CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC ***EVNFINANCE JOINT STOCK COMPANY***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence – Freedom - Happiness***
Số: 79 /TB-TCĐL *No.: /TB-TCĐL*	*Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2024* *Hanoi, March 7th, 2024*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC DISCLOSURE

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: ***State Securities Commission of Vietnam***
Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/*Organization name*: Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFinance)/*EVN Finance Joint Stock Company*
- Mã chứng khoán/*Stock code*: EVF
- Địa chỉ/*Address*: Tầng 14, 15 & 16 Tháp B Tòa nhà EVN – số 11 Cửa Bắc, Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội/*Level 14,15 & 16 Building B, EVN Tower - 11 Cua Bac Street, Truc Bach Ward, Ba Dinh District, Hanoi, Vietnam*
  Điện thoại/*Tel*: 024.2222.9999 Fax: 024.2222.1999 Email: lienhe@evnfc.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Content of disclosure*:
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFinance) công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2023.
EVNFinance Joint Stock Company (EVNFinance) announced information about The 2023 Annual Report.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực ngày 07/3/2024 theo đường dẫn: *https://www.evnfc.vn/thong-tin-co-dong*
This information is announced on EVNFinance's website on March 7, 2024 by path: https://www.evnfc.vn/thong-tin-co-dong

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

We hereby commit that the information disclosed above is true and will fully take responsibility legally for the content of the information disclosed./.

Nơi nhận/Recipients:
- Như kính gửi/*As above*;
- Tổng Giám đốc (để báo cáo)/ *General Director (for reporting)*
- Lưu/*Archives*: K.QTĐH./ *Governance Office*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
AUTHORIZED PERSON TO DISCLOSE INFORMATION

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

NGUYỄN THỊ PHONG LAN

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/NQ-HĐQT-TCĐL	*Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT

Về việc Phê duyệt Báo cáo thường niên năm 2023

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

- *Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 ngày 16/06/2010; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2017 ngày 20/11/2017;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;*
- *Căn cứ Báo cáo số 18/BC-TCĐL ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tổng Giám đốc về việc Báo cáo thường niên năm 2023;*
- *Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực số 19/BB-HĐQT-TCĐL ngày 07 tháng 3 năm 2024;*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo thường niên năm 2023 theo nội dung tại Báo cáo số 18/BC-TCĐL ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFinance).

Điều 2. Giao Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện các công việc liên quan đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan và quy định nội bộ của EVNFinance.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu K.QTĐH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

PHẠM TRUNG KIÊN

EVNFINANCE

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH: CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

NĂM BÁO CÁO: 2023

Hà Nội, tháng 3 năm 2024

MỤC LỤC

I. Thông tin chung 3
1.1. Thông tin khái quát 3
1.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 5
1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 6
1.3.1. Mô hình quản trị, Sơ đồ tổ chức 6
1.3.2. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát tại 31/12/2023 7
1.3.3. Các công ty con, công ty liên kết 8
1.4. Định hướng phát triển 8
1.5. Các rủi ro 10
II. Tình hình hoạt động trong năm 2023 13
2.1. Tình hình hoạt động kinh doanh 13
2.2. Tổ chức và nhân sự 15
2.2.1. Ban Điều hành 15
2.2.2. Số lượng nhân sự và chính sách đối với người lao động 17
2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 17
2.4. Tình hình tài chính 18
2.4.1. Tình hình tài chính 18
2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 18
2.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 18
2.5.1. Cổ phần 18
2.5.2. Cơ cấu cổ đông 19
2.5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 21
2.5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ, các chứng khoán khác 22
2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty 23
2.6.1. Tác động lên môi trường, quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước 23
2.6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường 23
2.6.3. Chính sách liên quan đến người lao động 23
2.6.4. Các hoạt động cộng đồng - xã hội 25
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành 28
3.1. Báo cáo kết quả kinh doanh 28
3.1.1. Hoạt động nguồn vốn - Hoàn thành tăng vốn, nâng cao năng lực tài chính, tăng trưởng nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh 28
3.1.2. Hoạt động cấp tín dụng - Tăng trưởng tín dụng theo kế hoạch mục tiêu 29
3.1.3. Dịch vụ kiểm soát chi và quản lý ủy thác cho vay lại - duy trì theo kế hoạch 30
3.1.4. Kinh doanh tiền tệ trên thị trường liên ngân hàng 30

3.1.5. Dầu tư tài chính....30
3.1.6. Quản trị rủi ro....31
3.2. Tình hình tài chính....32
3.2.1. Tổng tài sản....32
3.2.2. Chất lượng tài sản....32
3.2.3. An toàn vốn....33
3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý....33
3.4. Kế hoạch phát triển....35
3.5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán (nếu có)....35
3.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty....35
IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty....36
4.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty....36
4.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty....36
4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị....37
V. Quản trị Công ty....37
5.1. Hội đồng Quản trị....37
5.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị....37
5.1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị....41
5.1.3. Hoạt động của Hội đồng Quản trị....42
5.1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị....44
5.1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty....47
5.2. Ban Kiểm soát....48
5.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát....48
5.2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát....48
5.3. Các giao dịch, lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác....48
5.3.1. Lương, thù lao, phụ cấp của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc....48
5.3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ....50
5.3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ....52
5.3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty....52
VI. Báo cáo tài chính....52
6.1. Ý kiến kiểm toán....52
6.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán....52

I. Thông tin chung

1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102806367, đăng ký lần đầu ngày 08/7/2008, đăng ký thay đổi lần thứ lần thứ mười tám ngày 26 tháng 12 năm 2023.
- Vốn Điều lệ (tại 31/12/2023): 7.042.482.890.000 đồng.
- Địa chỉ: Tầng 14, 15 và 16 Tháp B, Tòa nhà EVN, Số 11 Cửa Bắc, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Số điện thoại: 024. 22229999
- Số fax: 024. 22221999
- Website: www.evnfc.vn
- Mã cổ phiếu: EVF

➢ ***Quá trình hình thành và phát triển***

Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFinance/Công ty) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 09 năm 2008. Trên chặng đường hơn 15 năm hoạt động, vượt qua nhiều thách thức trong những giai đoạn khó khăn chung của nền kinh tế, cũng như tận dụng tối đa được những cơ hội, điều kiện thuận lợi trong quá trình hoạt động, EVNFinance đã từng bước xây dựng nền móng vững chắc và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận:

- Hoạt động hiệu quả, an toàn, đảm bảo thanh khoản trong mọi thời điểm. Kết quả hoạt động kinh doanh có lợi nhuận tăng trưởng qua hàng năm. Các chỉ tiêu tỷ lệ về an toàn hoạt động luôn tuân thủ theo quy định.
- Nguồn nhân lực ổn định và phát triển, là yếu tố cốt lõi để triển khai hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả, hướng tới phát triển bền vững.
- Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch Upcom từ tháng 8 năm 2018 và cổ phiếu EVF đã chính thức giao dịch trên sàn HOSE từ ngày 12/01/2022.

Các cột mốc phát triển

➢ **Năm 2008**

- ✓ ***29/05/2008***: Đại hội đồng cổ đông đầu tiên của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.
- ✓ ***01/09/2008***: Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực chính thức khai trương và đi vào hoạt động với sứ mệnh và mục tiêu thu xếp vốn và quản lý nguồn vốn chuyên nghiệp cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đạt

2.500 tỷ đồng, đứng trong nhóm đầu về quy mô trong hệ thống các công ty Tài chính tại Việt Nam tại thời điểm đó.

- **Năm 2009**
  - ✓ Văn kiện ghi nhớ hợp tác triển khai ***cơ chế phát triển sạch (CDM)*** cho các dự án năng lượng tại Việt Nam với Đại sứ quán Đan Mạch, cột mốc đầu tiên cho quá trình triển khai hoạt động dịch vụ CDM.
- **Năm 2010**
  - ✓ ***Tháng 4/2010***: 02 Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng chính thức hoạt động, đánh dấu sự có mặt của EVNFinance tại 02 vùng kinh tế trọng điểm của đất nước.
  - ✓ ***Tháng 7/2010:*** Cột mốc đầu tiên đối với hoạt động dịch vụ quản lý ủy thác cho vay lại, kiểm soát chi - được Chính phủ giao là Cơ quan cho vay lại khoản vay ưu đãi cho Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, từng bước khẳng định thực hiện hiệu quả mục tiêu là đầu mối quản trị vốn và thu xếp vốn cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị thành viên, dần khẳng định vị thế trên thị trường tài chính trong nước.
- **Năm 2012**
  - ✓ Áp dụng ***hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008*** do Viện Tiêu chuẩn Anh Quốc (British Standard Institution), một tổ chức hàng đầu quốc tế đánh giá và cấp chứng nhận.
- **Năm 2018**
  - ✓ Ra mắt thương hiệu EasyCredit, cung cấp sản phẩm cho vay tiêu dùng.
  - ✓ Chính thức đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM, tháng 8/2018.
- **Năm 2020**
  - ✓ Tăng vốn điều lệ lên 2.649 tỷ đồng.
- **Năm 2021**
  - ✓ Tăng vốn điều lệ lên 3.047 tỷ đồng.
  - ✓ Vị trí xếp hạng tín nhiệm B2 do tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's Investors Service (Moody's) đánh giá.
- **Năm 2022**
  - ✓ Chuyển sàn giao dịch từ UPCOM sang HOSE và chính thức giao dịch trên HOSE từ ngày 12/01/2022.
  - ✓ Tăng vốn điều lệ lên 3.510,6 tỷ đồng.
  - ✓ Top 10 thương hiệu mạnh năm 2022 ngành Dịch vụ Tài chính.
  - ✓ Áp dụng hệ thống quản lý An toàn thông tin (ISMS) phục vụ cho các hoạt động kinh doanh theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2013 do Viện Tiêu chuẩn Anh Quốc (British Standard Institution), một tổ chức hàng đầu quốc tế đánh giá và cấp chứng nhận.

- ✓ Vị trí xếp hạng tín nhiệm B2 do tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's Investors Service (Moody's) đánh giá triển vọng ổn định trong năm thứ 2.
- ✓ Trở thành hội viên của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam.
- ✓ Đạt giải Best Frontier Market Deal - Giao dịch thị trường cận biên tốt nhất cho giao dịch phát hành Trái phiếu Xanh do Tạp chí Finance Asia bình chọn.

➢ **Năm 2023**

- ✓ Đạt giải "Giao dịch của năm" cho giao dịch phát hành Trái phiếu Xanh được trao bởi IJGlobal Awards 2022 diễn ra vào tháng 3/2023 tại Singapore.
- ✓ Lần đầu tiên phát hành Báo cáo phát triển bền vững.
- ✓ Tăng vốn điều lệ lên 7.042 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1:1 và phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).
- ✓ Tiếp tục được Moody's đánh giá xếp hạng tín nhiệm B2 năm thứ 3 liên tiếp.
- ✓ Đánh dấu 15 năm hình thành và phát triển với nhiều hoạt động ý nghĩa với thông điệp Vững bước thành công.
- ✓ Số hóa mạnh mẽ các quy trình nghiệp vụ và đưa công nghệ vào hoạt động kinh doanh.

1.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh:

+ Dịch vụ huy động vốn: Nhận tiền gửi của tổ chức; Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của các tổ chức; Vay vốn của các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước, ngoài nước và các tổ chức tài chính quốc tế; Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ, của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước…;
+ Dịch vụ cho vay: Cho vay các kỳ hạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; Cho vay theo ủy thác của Chính phủ, của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định hiện hành của Luật các Tổ chức tín dụng và hợp đồng ủy thác, Cho vay trả góp, Cho vay tiêu dùng;
+ Dịch vụ bảo lãnh;
+ Dịch vụ chiết khấu, tái chiếu khấu, cầm cố giấy tờ có giá;
+ Dịch vụ ngoại hối;
+ Dịch vụ bao thanh toán;
+ Dịch vụ bảo lãnh phát hành trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu Chính phủ; mua bán trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu Chính phủ;
+ Dịch vụ đại lý phát hành, tư vấn phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá cho các doanh nghiệp;

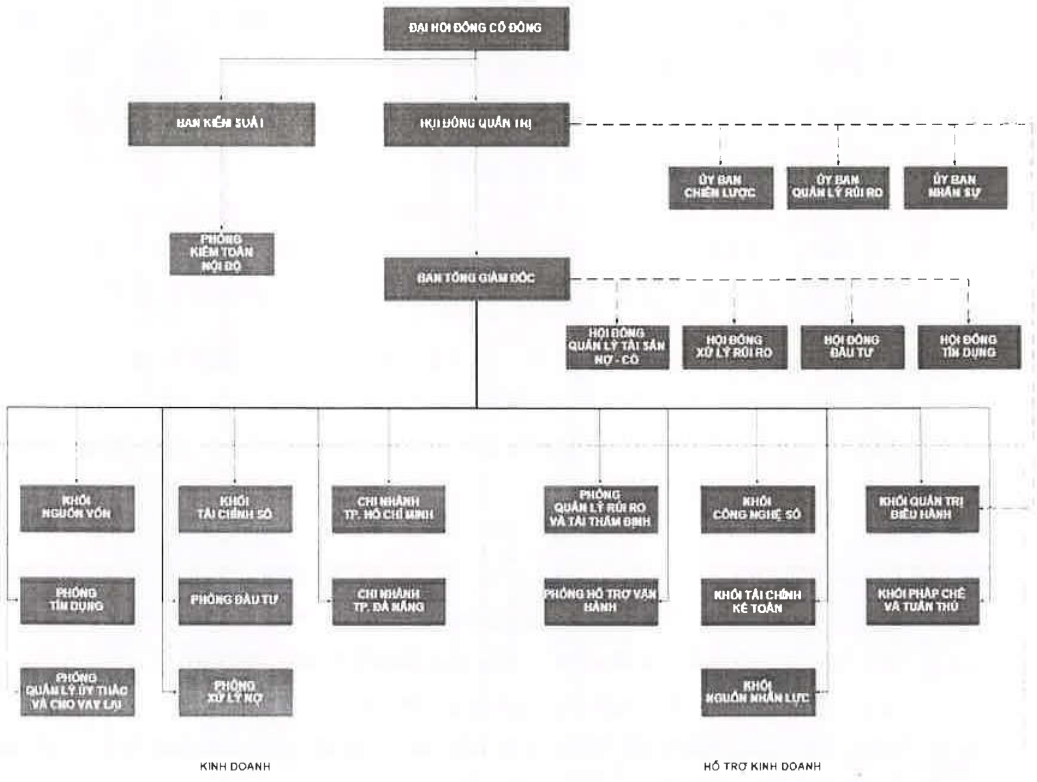
+ Dịch vụ quản lý ủy thác và cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ cho các dự án ngành điện;
+ Dịch vụ tư vấn về ngân hàng, tài chính, tiền tệ, đầu tư cho khách hàng; Tư vấn quản lý tài sản; Tư vấn đàm phán ký kết các hợp đồng vay vốn trong và ngoài nước cho các tổ chức và cá nhân;
+ Dịch vụ cho thuê tài chính;
+ Dịch vụ phát hành thẻ tín dụng;
+ Các dịch vụ khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- **Địa bàn kinh doanh:** Từ năm 2010, bên cạnh Hội sở chính tại Hà Nội, Công ty có 02 Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, cung cấp dịch vụ tới các địa bàn tại tất cả các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

1.3.1. Mô hình quản trị, Sơ đồ tổ chức

Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực hoạt động theo mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp với cơ cấu tổ chức đến 31/12/2023 như sau:



1.3.2. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát tại 31/12/2023

Hội đồng Quản trị (HĐQT)

Cơ cấu thành viên HĐQT của EVNFinance đa dạng về chuyên môn, nghiệp vụ, có kinh nghiệm từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo tại các Tổ chức tín dụng, các tổ chức kinh tế, và không có thành viên đồng thời nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị của trên 05 doanh nghiệp khác. Cơ cấu độ tuổi của các thành viên HĐQT trải rộng từ độ tuổi 40 đến 55, hội tụ đủ các yếu tố về kinh nghiệm và sức trẻ.

Ông Phạm Trung Kiên Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh MBA - Trung tâm đào tạo Pháp Việt về quản lý CFVG, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.
- Cử nhân Kinh tế đầu tư - Đại học Kinh tế quốc dân.
- Ông Phạm Trung Kiên đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo tại các Tổ chức tín dụng và các tổ chức kinh tế khác.

Ông Lê Mạnh Linh Thành viên Hội đồng Quản trị

- Thạc sỹ Luật Thương mại Quốc tế – Đại học Francois Rabelais de Tours, Cộng hòa Pháp
- Cử nhân Kinh tế và Quản lý – Đại học Pierre Mendes France, Cộng hòa Pháp
- Ông Lê Mạnh Linh đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo/quản lý phụ trách các đơn vị kinh doanh trong các tổ chức tài chính.

Ông Mai Danh Hiền Thành viên Hội đồng Quản trị

- Thạc sĩ Kế toán - Học viện Tài chính
- Cử nhân Kiểm toán - Học viện Tài chính
- Ông Mai Danh Hiền có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Kế toán, Kiểm toán Ngân hàng, trong đó có 12 năm làm việc tại EVNFinance.

Ông Nguyễn Trung Thành Thành viên Hội đồng Quản trị

- Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội
- Ông Nguyễn Trung Thành đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo/quản lý trong các tổ chức kinh tế khác nhau.

Ông Lê Hoài Nam Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

- Thạc sĩ Kinh tế - Đại học Tổng hợp Greenwich, London - Anh
- Kỹ sư Quản trị Kinh doanh - Đại học Bách Khoa Hà Nội
- Kỹ sư Tin học - Đại học Bách Khoa Hà Nội
- Ông Lê Hoài Nam đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo/quản lý trong các tổ chức kinh tế khác nhau.

Ông Nguyễn Văn Hải Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

- Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội
- Ông Nguyễn Văn Hải đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo tại các Tổ chức tín dụng và các tổ chức kinh tế khác.

Ban Kiểm soát (BKS)

Ông Lê Long Giang Trưởng Ban Kiểm soát

- Thạc sỹ tài chính ngân hàng - Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Cử nhân tài chính ngân hàng - Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Ông Lê Long Giang có hơn 20 năm kinh nghiệm và đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo trong các tổ chức tài chính.

Bà Lê Khánh Ngọc Thành viên Ban Kiểm soát

- Thạc sỹ Khoa học Tài chính - Đại học Stirling, Scotland, Anh
- Cử nhân Kinh tế Bảo hiểm - Đại học Kinh tế Quốc dân
- Bà Lê Khánh Ngọc có hơn 14 năm kinh nghiệm làm việc tại EVNFinance.

Ông Nghiêm Khắc Đạt Thành viên không chuyên trách Ban Kiểm soát

- Thạc sỹ Kế toán Kiểm toán - Học viện Tài chính
- Cử nhân Kiểm toán - Học viện Tài chính
- Ông Nghiêm Khắc Đạt đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo/quản lý trong các tổ chức kinh tế khác nhau.

1.3.3. Các công ty con, công ty liên kết

Đến 31/12/2023, EVNFinance chưa có công ty con, công ty liên kết.

1.4. Định hướng phát triển

1.4.1. Chiến lược phát triển bền vững và mục tiêu hành động

EVNFinance nhận diện tầm quan trọng của việc phát triển bền vững và có chủ trương tích hợp các yếu tố phát triển bền vững vào chiến lược kinh doanh, hoạt động cốt lõi của Công ty; Đồng thời, lồng ghép thực hành phát triển bền vững vào một số hoạt động kinh doanh. EVNFinance xây dựng chiến lược Phát triển bền vững dựa trên nền tảng từng bước tăng cường vững chắc nguồn lực nội tại, bao gồm cơ cấu quản trị, nguồn nhân lực, xây dựng văn hóa doanh nghiệp; nhận diện các vấn đề rủi ro liên quan đến phát triển bền vững trong quá trình hoạt động kinh doanh và tích hợp vào hệ thống quản lý rủi ro hiện tại của Công ty. EVNFinance thực hiện xây dựng khung sản phẩm bền vững, trong đó, tập trung vào các sản phẩm kinh doanh có trách nhiệm như trái phiếu xanh, tín dụng xanh và tài chính toàn diện. Tất cả những yếu tố và lợi ích nội tại của EVNFinance được

cân bằng và hài hòa với việc mang lại giá trị cho Công ty và lợi ích của khách hàng, nhà đầu tư và cộng đồng.

Mục tiêu hành động của EVNFinance gắn với mục tiêu phát triển bền vững được đưa ra bởi Liên hiệp quốc, gồm các mục tiêu về kinh tế, môi trường, xã hội và quản trị. Nội dung của các mục tiêu được EVNFinance trình bày tại Báo cáo phát triển bền vững của Công ty.

1.4.2. Chiến lược trung dài hạn

- ✓ Là một định chế tài chính tổng hợp cung cấp các dịch vụ tài chính số với chất lượng tốt nhất trên nền tảng công nghệ hiện đại; Tăng trưởng tài sản theo mục tiêu phát triển bền vững ESG, đây là mục tiêu xuyên suốt trong thời gian tới.
- ✓ Tăng trưởng quy mô và hiệu quả hoạt động.
- ✓ Mở rộng thị trường hoạt động ra nước ngoài.
- ✓ Phát triển, cung cấp dịch vụ tài chính toàn diện trên nền tảng số.
- ✓ Thực hiện tốt trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.
- ✓ Đẩy mạnh số hóa trong hoạt động kinh doanh và quản trị điều hành, nâng cao hiệu suất lao động và hiệu quả quản trị.
- ✓ Tăng cường nhận diện thương hiệu với các đối tác nước ngoài thông qua công tác xây dựng hình ảnh, thương hiệu và chiến lược marketing của Công ty.
- ✓ Định vị EVNFinance bằng hệ thống xếp hạng tín nhiệm quốc tế.

1.4.3. Kế hoạch ngắn hạn

- ✓ Tăng quy mô tổng tài sản, tăng trưởng lợi nhuận phù hợp với kết quả tăng Vốn điều lệ đã thực hiện thành công trong năm 2023.
- ✓ Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, điều hành và kiểm soát.
- ✓ Tìm kiếm, phát triển quan hệ với các nhà đầu tư chiến lược, tăng năng lực nguồn vốn chủ sở hữu.
- ✓ Đảm bảo nền vốn hiệu quả, ổn định, đảm bảo thanh khoản trong mọi tình huống để thực hiện điều phối vốn một cách hiệu quả vào các lĩnh vực kinh doanh chủ chốt; Tiếp tục mở rộng thị trường vốn quốc tế.
- ✓ Đẩy mạnh phát triển sản phẩm dựa trên nền tảng công nghệ số và có hàm lượng công nghệ số cao, không ngừng vươn lên với những bước tiến mạnh mẽ trong việc xây dựng hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ đa dạng, mang đến nhiều trải nghiệm mới cho khách hàng.
- ✓ Xây dựng lộ trình, chính sách liên quan đến tích hợp các yếu tố phát triển bền vững ESG vào hoạt động kinh doanh và giám sát tình hình thực hiện.
- ✓ Chú trọng công tác xây dựng hình ảnh, thương hiệu và chiến lược marketing, đẩy mạnh nhận diện quốc tế thông qua giao dịch với các tổ chức tài chính quốc tế.

- ✓ Tiếp tục định vị EVNFinance bằng hệ thống xếp hạng tín nhiệm quốc tế.
- ✓ Triển khai "Phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng giai đoạn 2021 – 2025".

1.5. Các rủi ro

Công tác quản trị rủi ro luôn được EVNFinance quan tâm hàng đầu nhằm nâng cao chất lượng hoạt động và hướng đến mục tiêu quản lý toàn diện các rủi ro trọng yếu:

➢ Rủi ro tín dụng

- Rủi ro tín dụng có thể xem là một trong những rủi ro quan trọng nhất bởi thu nhập từ hoạt động tín dụng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu nhập của EVNFinance.
- Với mục tiêu quản trị rủi ro tín dụng hiệu quả nhất, đảm bảo tăng trưởng bền vững, EVNFinance đã và đang duy trì một khung quản trị rủi ro tín dụng đảm bảo các nguyên tắc cơ bản sau:
  - ✓ Xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro (QLRR) tín dụng thận trọng, hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất thông qua hệ thống các giới hạn, hạn mức như tập trung phát triển khách hàng cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ, có tình hình tài chính lành mạnh, tài sản đảm bảo đáp ứng yêu cầu, hạn chế cho vay đối với những lĩnh vực rủi ro cao…
  - ✓ Áp dụng hệ thống quản trị rủi ro tín dụng tập trung, tách bạch chức năng giữa kinh doanh, quản lý rủi ro và tác nghiệp, đảm bảo mô hình 3 tuyến phòng thủ độc lập, khách quan, minh bạch.
  - ✓ Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, ngăn chặn các rủi ro tín dụng ngay từ trước khi giải ngân. Chú trọng tăng cường và thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát sau cho vay.
  - ✓ Cải tiến hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, nâng cao năng lực phân loại rủi ro khách hàng, làm căn cứ thẩm định, xây dựng chính sách sản phẩm phù hợp.
  - ✓ Thực hiện phân tích, đánh giá rủi ro và tổ chức thử nghiệm trước khi cung cấp một sản phẩm mới đảm bảo an toàn tín dụng và giảm thiểu rủi ro phát sinh.
  - ✓ Giám sát cảnh báo thường xuyên các tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động tín dụng cũng như công tác phân loại nợ, trích lập dự phòng đảm bảo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN).
  - ✓ Tăng cường công tác phát triển đầu tư nguồn nhân lực, áp dụng các kiến thức và công nghệ QLRR tiên tiến, hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế.

➢ Rủi ro thanh khoản:

- Đây là một trong các rủi ro rất quan trọng trong hoạt động các tổ chức tín dụng nói chung và EVNFinace nói riêng.
- Quản trị rủi ro thanh khoản tại EVNFinace luôn được đảm bảo duy trì thường xuyên, liên tục và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn:
  - ✓ Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của NHNN về thanh khoản; Thường xuyên theo dõi, phân tích tài sản và công nợ theo kỳ đáo hạn thực tế, qua đó luôn chủ động duy trì hợp lý chênh lệch kỳ hạn giữa tài sản Có và tài sản Nợ.
  - ✓ Hội đồng quản lý Tài sản Nợ và Có (ALCO): Giám sát hoạt động tuân thủ hạn mức rủi ro thanh khoản, đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN và Công ty. Rà soát, đề xuất kế hoạch huy động vốn, kế hoạch sử dụng vốn, xây dựng kịch bản kiểm thử... đảm bảo phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty và điều kiện thị trường trong từng thời kỳ.
  - ✓ Xây dựng hệ thống hạn mức chính sách, quy chế, quy định nội bộ, quy định chi tiết trách nhiệm, quyền hạn của các phòng ban, bộ phận trong việc theo dõi, đánh giá các rủi ro về thanh khoản cũng như các biện pháp ứng phó khi xảy ra sự cố thanh khoản ...
  - ✓ EVNFinance cũng đã thiết lập cơ chế giá vốn nội bộ: lãi suất tiền gửi/ lãi suất cho vay áp dụng đối với khách hàng trên cơ sở xem xét nhu cầu tăng trưởng, khả năng và hiệu quả sử dụng vốn, tối ưu hóa thu nhập lãi thuần thông qua việc duy trì cơ cấu và kỳ hạn của tài sản Có và tài sản Nợ hợp lý.

➢ Rủi ro thị trường:

- Rủi ro lãi suất:
  - ✓ Rủi ro lãi suất là rủi ro cơ bản phát sinh khi lãi suất thị trường biến động bất lợi gây ảnh hưởng đến giấy tờ có giá, danh mục tài sản có lãi suất trên cấu trúc tài sản của một tổ chức tín dụng.
  - ✓ EVNFinance đã xây dựng quy định nội bộ để quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc phân tích tỷ số giữa tài sản nhạy cảm lãi suất và nguồn nhạy cảm lãi suất. Đưa ra các dự báo về mức độ biến động lãi suất trong một thời kỳ, dựa trên số liệu thống kê lãi suất trong danh mục của EVNFinance, chính sách hiện hành và xu hướng quản lý thị trường tiền tệ của Ngân hàng nhà nước, cũng như dự báo các chỉ số kinh tế vĩ mô và thị trường.
  - ✓ Ngoài ra, để hạn chế các rủi ro lãi suất, EVNFinance áp dụng các giải pháp và tăng cường các biện pháp: áp dụng hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng

hoán đổi; áp dụng các chính sách lãi suất thả nổi linh hoạt theo từng kỳ hạn nguồn và từng loại hình cho vay; đảm bảo một tỷ lệ kỳ hạn nguồn với kỳ hạn cho vay phù hợp theo những quy định của pháp luật, v.v ...

- Rủi ro ngoại hối
  - ✓ Rủi ro ngoại hối phát sinh từ những biến động bất lợi về tỷ giá hối đoái gây ra sự sụt giảm giá trị đối với trạng thái ngoại tệ mà tổ chức tín dụng nắm giữ. Công ty chịu rủi ro ngoại hối vì đã phát sinh các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ.
  - ✓ EVNFinance thực hiện giám sát, quản lý và đảm bảo tuân thủ giới hạn về trạng thái ngoại tệ ròng trên vốn tự có theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.
  - ✓ Bên cạnh đó, EVNFinance sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro như: các hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng hoán đổi ngoại tệ, hợp đồng quyền chọn,... trong hoạt động kinh doanh ngoại hối.

➢ Rủi ro hoạt động: Rủi ro hoạt động là loại rủi ro liên quan đến công nghệ, cơ sở hạ tầng, quy trình nghiệp vụ, yếu tố con người và một số yếu tố khác có liên quan trong quá trình hoạt động kinh doanh của EVNFinance.

- ✓ Để ngăn ngừa và hạn chế rủi ro hoạt động, EVNFinance thường xuyên đánh giá tính tuân thủ, tính đầy đủ, phù hợp của quy trình, quy chế, của các hoạt động nghiệp vụ cũng như cảnh báo rủi ro của các bộ phận tác nghiệp.
- ✓ EVNFinance liên tục cập nhật, giám sát môi trường kiểm soát tại từng đơn vị nhằm chủ động phòng ngừa rủi ro nội tại, nhận diện các vấn đề cần hoàn thiện, khắc phục và tăng cường hiệu quả hoạt động của các đơn vị.
- ✓ Triển khai đồng bộ công tác quản lý kinh doanh liên tục, xây dựng bộ lỗi vi phạm tác nghiệp áp dụng cho tất cả các cấp hoạt động, thường xuyên kiểm tra dan chéo nhau để giảm thiểu các rủi ro hoạt động có thể xảy ra.
- ✓ EVNFinance không ngừng tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng đạo đức, đồng thời thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn định kỳ giúp cán bộ hiểu rõ tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp.
- ✓ Bên cạnh đó, EVNFinance cũng từng bước củng cố công tác quản trị thông qua sử dụng hệ thống công nghệ thông tin. Các ứng dụng này giúp giảm thiểu các rủi ro hoạt động thông qua việc lưu chuyển thông tin, đánh giá hoạt động trên quy mô rộng toàn hệ thống.

➢ Rủi ro môi trường xã hội, rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro trọng yếu trên, EVNFinance luôn gắn quản lý rủi ro môi trường xã hội vào thẩm định dự án, phương án vay vốn, các dự án phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt của cấp thẩm quyền theo quy định của pháp luật, thực hiện kiểm tra giám sát thường xuyên, định kỳ đối với việc QLRR môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, kiên quyết loại trừ cấp tín dụng đối với các dự án có khả năng ảnh hưởng lớn và nghiêm trọng đến môi trường, xã hội…Thiết lập chính sách cấp tín dụng đối với các lĩnh vực môi trường xã hội nhạy cảm như nông nghiệp, năng lượng tái tạo, dệt may… Trong năm 2023, EVNFinance đã mở rộng phạm vi của hệ thống Quản lý môi trường xã hội, thực hiện đánh giá rủi ro môi trường xã hội không chỉ trong các dự án điện gió, điện mặt trời mà mở rộng ra toàn bộ danh mục; Thực hiện truyền thông, đào tạo, lồng ghép rủi ro môi trường xã hội vào các chương trình quản lý rủi ro chung của EVNFinance….

Trên cơ sở đó EVNFinance đã xây dựng báo cáo Phát triển bền vững tham chiếu theo khung tiêu chuẩn GRI, điều này cho thấy được sự nhận thức của EVNFinance về tầm quan trọng của việc thực hành phát triển bền vững. Thực hành phát triển bền vững đã trở thành một phần quan trọng trong chiến lược kinh doanh của EVNFinance nhằm tạo giá trị bền vững, xây dựng lòng tin của các nhà đầu tư và đáp ứng các yêu cầu quy định.

Nhờ có cơ chế kiểm soát rủi ro như trên, nhiều năm qua EVNFinance hạn chế được rủi ro và đạt/vượt kế hoạch đã đề ra.

Trong năm 2024 và các năm tiếp theo, công tác QLRR sẽ luôn tiếp tục được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm rong hoạt động của Công ty với chiến lược: nâng cao năng lực quản trị rủi ro và hiện đại hóa công tác quản trị rủi ro.

Ngoài ra, hoạt động của EVNFinance, cũng như các tổ chức khác, sẽ chịu tác động, ảnh hưởng tiêu cực của các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, địch họa, chiến tranh, đảo chính, đình công,… là các sự việc bất khả kháng nếu xảy ra.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2023

2.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

Các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện năm 2023		
			Thực hiện	%/ thực hiện 2022	%/Kế hoạch
1	Vốn Điều lệ	7.042	7.042	201%	100%
2	Tổng Tài sản	49.790	49.221	117%	99%
3	Lợi nhuận trước thuế	560	409	90%	73%

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện năm 2023		
			Thực hiện	%/ thực hiện 2022	%/Kế hoạch
4	Tỷ lệ nợ xấu	<2%	1,08%	66%	Đảm bảo
5	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR)	> 9%	18,29%	159%	Đảm bảo

Năm 2023 là năm khó khăn chung của nền kinh tế thế giới gắn với những căng thẳng của các xung đột địa chính trị, khí hậu cực đoan và dịch bệnh diễn ra trên diện rộng, trong bối cảnh thị trường hoạt động cho vay tiêu dùng bị ảnh hưởng tiêu cực, rất nhiều Công ty tài chính tiêu dùng bị lỗ nặng; hoạt động huy động vốn của Công ty bị ảnh hưởng, gặp khó khăn hơn trước các thông tin tiêu cực về tín dụng tiêu dùng;... Trong bối cảnh đó, Ban Điều hành Công ty đã chủ động có những giải pháp, linh hoạt chỉ đạo triển khai hoạt động kinh doanh theo mục tiêu từng tháng/quý/6 tháng tùy theo diễn biến của thị trường. Theo đó, Công ty đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận:

- Hoàn thành tăng vốn điều lệ, đạt 100% kế hoạch năm. Vốn điều lệ tại 31/12/2023 là 7.042 tỷ đồng, tăng hơn 100% so với năm 2022.

- Tổng tài sản đạt 49.221 tỷ đồng, tăng 17% so thực hiện năm 2022, hoàn thành 99% kế hoạch năm.

- Cho vay khách hàng đạt 33.553 tỷ đồng, tăng 38% so với năm 2022, hoàn thành kế hoạch mục tiêu về tăng trưởng tín dụng.

- Tổng Nguồn vốn huy động tại 31/12/2023 đạt 39.351 tỷ đồng, tăng 6,7% so thực hiện năm 2022, đảm bảo thanh khoản và nhu cầu kinh doanh.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 409,3 tỷ đồng, hoàn thành 73% kế hoạch đề ra, tương đương 90% so với năm 2022. Đây là một nỗ lực lớn của Công ty trong bối cảnh thị trường hoạt động cho vay tiêu dùng bị ảnh hưởng tiêu cực, rất nhiều Công ty tài chính tiêu dùng bị lỗ nặng; hoạt động huy động vốn của Công ty bị ảnh hưởng, gặp khó khăn hơn trước các thông tin tiêu cực về tín dụng tiêu dùng;...đã ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh của Công ty, từ đó ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận.

- Tỷ lệ nợ xấu toàn Công ty tại 31/12/2023 là 1,08%, giảm so với năm 2022 (1,64%), đảm bảo < 2% theo kế hoạch đề ra và tuân thủ dưới 3% theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

- Tỷ lệ an toàn vốn CAR của EVNFinance tại 31/12/2023 đạt 18,29%, tăng mạnh so với năm năm 2022 (11,5%). Trong các năm qua, hệ số CAR của EVNFinance luôn cao hơn mức quy định tối thiểu 9% của Ngân hàng Nhà nước.

- Năm 2023 là năm thứ 3 liên tiếp, EVNFinance được tổ chức xếp hạnh tín nhiệm quốc tế Moody's Investors Service đánh giá, giữ xếp hạng tín nhiệm mức B2 với triển vọng ổn định.

- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc bộ máy tổ chức. Song song với đó Công ty đã thực hiện cải tiến, số hóa các quy trình nghiệp vụ, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả quản lý.

- Tiếp tục chú trọng công tác tạo dựng nền tảng hỗ trợ - củng cố văn hóa doanh nghiệp, tác phong làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả; thúc đẩy, tạo động lực cho cán bộ/nhân viên; các hoạt động kinh doanh và tác nghiệp hàng ngày của Công ty phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Áp dụng hệ thống quản lý An toàn thông tin (ISMS) phục vụ cho các hoạt động kinh doanh theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2013.

2.2. Tổ chức và nhân sự

2.2.1. Ban Điều hành

Ông Mai Danh Hiền Tổng Giám đốc

Ông Mai Danh Hiền được bổ nhiệm và giữ chức vụ Quyền Tổng Giám đốc từ ngày 18/05/2023 đến 05/07/2023.

Ông Mai Danh Hiền được bổ nhiệm và giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 06/07/2023.

- Thạc sĩ Kế toán - Học viện Tài chính
- Cử nhân Kiểm toán - Học viện Tài chính
- Ông Mai Danh Hiền có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Kế toán, Kiểm toán Ngân hàng, trong đó có 12 năm làm việc tại EVNFinance.

Ông Lê Anh Tuấn Phó Tổng Giám đốc

- Thạc sĩ Tài chính Lưu thông tiền tệ và Tín dụng - Đại học Kinh tế quốc dân
- Cử nhân Quản trị Kinh doanh tổng hợp - Đại học Kinh tế quốc dân
- Ông Lê Anh Tuấn có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành Điện và Tài chính - Ngân hàng, trong đó có 15 năm làm việc tại EVNFinance.

Ông Đào Lê Huy Phó Tổng Giám đốc

- Thạc sỹ Quản trị kinh tế Học viện quản trị kinh doanh quốc tế, Ấn Độ
- Cử nhân Kinh tế Ngoại thương - Đại học Ngoại thương Hà Nội
- Ông Đào Lê Huy có 19 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính - Ngân hàng, trong đó có 13 năm làm việc tại EVNFinance.

Ông Hoàng Thế Hưng Phó Tổng Giám đốc

- Thạc sĩ Khoa học máy tính - Đại học Nottingham Vương quốc Anh
- Kỹ sư Công nghệ thông tin - Đại học Bách khoa Hà nội
- Ông Hoàng Thế Hưng có hơn 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin.

Ông Lâm Nguyễn Thiện Nhơn Phó Tổng Giám đốc

Ông Lâm Nguyễn Thiện Nhơn được bổ nhiệm và giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/02/2023.

- Cử nhân Luật học - Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh
- Ông Lâm Nguyễn Thiện Nhơn có 17 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính - Ngân hàng.

Bà Tôn Thị Hải Yến Phó Tổng Giám đốc

Bà Tôn Thị Hải Yến được bổ nhiệm và giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/02/2023.

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học La Trobe Australia
- Thạc sĩ Luật Kinh tế - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
- Cử nhân Luật Kinh tế - Đại học dân lập Phương Đông
- Cử nhân Ngân hàng – Tài chính – Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
- Bà Tôn Thị Hải Yến có hơn 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Pháp chế, trong đó có hơn 15 năm làm việc tại EVNFinance.

Ông Mai Xuân Đông Giám đốc Chi nhánh TP Đà Nẵng

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học Duy Tân
- Cử nhân Thống kê - Trường Bách khoa Đà Nẵng
- Ông Mai Xuân Đông có 31 năm kinh nghiệm trong ngành Điện và Tài chính - Ngân hàng, trong đó có 15 năm làm việc tại EVNFinance.

Ông Hoàng Nhật Nam Giám đốc Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Ông Hoàng Nhật Nam được bổ nhiệm và giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh từ ngày 15/07/2023

- Cử nhân Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Tài Chính – Marketing
- Ông Hoàng Nhật Nam có 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

Ông Tống Nhật Linh Kế toán trưởng

- Thạc sỹ QTKD - Đại học Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội
- Cử nhân Kế toán - Học viện Tài chính
- Chứng chỉ Kế toán trưởng - Học viện Tài chính
- CMA - CMA Australia
- Ông Tống Nhật Linh có 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán, Tài chính, Rủi ro.

* ***Ông Nguyễn Hoàng Hải*** *thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 18/05/2023.*

2.2.2. Số lượng nhân sự và chính sách đối với người lao động

Tại thời điểm 31/12/2023, tổng số lượng cán bộ, nhân viên của Công ty là 314 người. Công ty tập trung tuyển dụng nhân sự có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, đây cũng là một nhân tố thuận lợi cho Công ty trong việc khai thác tiềm năng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty.

Về chính sách đối với người lao động: Năm 2023, bên cạnh việc duy trì các chính sách nhân sự ưu việt, nhân văn của những năm trước, Công ty đã ban hành quy định đánh giá và xếp loại cá nhân và triển khai thực hiện từ quý II/2023. Việc triển khai cơ chế đánh giá và xếp loại sẽ giúp khuyến khích, tạo động lực cho đơn vị/cá nhân xuất sắc và cảnh báo đối với đơn vị/cá nhân có kết quả chưa tốt. Bên cạnh đó, Công ty sửa đổi, hoàn thiện chính sách đào tạo nguồn nhân lực của Công ty, theo đó, đề cao vai trò, trách nhiệm của đội ngũ Giảng viên nội bộ, Cán bộ lãnh đạo/ quản lý trong việc tham gia giảng dạy nhằm cập nhật kiến thức, phát triển kỹ năng liên quan đến năng lực nghề nghiệp cho cán bộ nhân viên toàn Công ty đáp ứng được yêu cầu của các vị trí công việc. Năm 2023 đánh dấu sự kiện lần đầu tiên EVNFinance phát hành cổ phiếu ưu đãi cho CBNV- chính sách này nhằm ghi nhận, tri ân đến các CBNV có đóng góp và tạo động lực đồng hành với sự phát triển của Công ty.

2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Với chủ trương phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng số, tài chính số cung cấp tới nhiều đối tượng các khách hàng trên mọi vùng miền đất nước, trong năm 2023, EVNFinance đã tiếp tục nghiên cứu, phát triển, áp dụng triển khai các sản phẩm dịch vụ có ứng dụng công nghệ hiện đại, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng. Chiến lược chuyển đổi số của EVNFinance tập trung thực tế bằng việc cải tiến, số hóa quy trình nghiệp vụ và những hệ thống hiện có một cách liên tục xoay quanh 04 vấn đề điện toán đám mây, xử lý dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ Mobile và mở rộng dịch vụ kinh doanh nền tảng (Platform).

EVNFinance đã xây dựng và đưa vào triển khai chiến lược công nghệ với chủ lực theo trình tự tự động hóa quy trình bằng trí tuệ nhân tạo, thu thập, xử lý và kinh doanh với mô hình dữ liệu lớn làm nền tảng cho các bước phát triển công nghệ số tiếp theo. Các dự án sử dụng Robot để thẩm định nhận diện khách hàng, xử lý hồ sơ khách hàng, thu thập dữ liệu. Hệ thống thẩm định và phê duyệt khoản vay theo quy trình tự động dựa trên dữ liệu lớn.

Trong năm 2023, EVNFinance đã kết nối, hợp tác với nhiều đối tác là tổ chức trung gian thanh toán, công nghệ tài chính (Fintech) để cùng nhau khai thác thị trường, phát triển mô hình kinh doanh nền tảng, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số cung cấp các sản phẩm dịch vụ thân thiện, chi phí phù hợp, nhanh chóng và tiện lợi an toàn cho khách hàng.

Công ty nhận thấy rõ rệt rằng việc phát triển các sản phẩm gắn với công nghệ số mới đã mang tới hiệu quả cao và là những cấu phần quan trọng trong quá trình phát triển của Công ty trong năm 2023 và những năm tiếp theo theo đúng định hướng, lộ trình đã đề ra, trở thành một Định chế Tài chính tổng hợp vững mạnh, tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ số.

2.4. Tình hình tài chính

2.4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/ (giảm)
Tổng giá trị tài sản	42.198	49.221	17%
Thuế và các khoản phải nộp	72	72	0%
Lợi nhuận trước thuế	455	409	-10%
Lợi nhuận sau thuế	366	328	-10%

Thông tin về "Thuế và các khoản phải nộp" theo Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán đính kèm.

2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị: Tỷ đồng, %

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/ (giảm)
Vốn chủ sở hữu	4.335	8.456	95%
Vốn điều lệ	3.511	7.042	101%
Tổng tài sản	42.198	49.221	17%
Tỷ lệ an toàn vốn	11,50%	18,29%	59%
Nợ quá hạn (bao gồm nợ nhóm 2 và Nợ xấu)	951	707	-26%
Nợ xấu	542	435	-20%
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0%	0%	0%
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư *nợ (*)*	2,9%	1,8%	-39%
Tỷ lệ nợ xấu (*)	1,64%	1,08%	-34%
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (**)	6,85	13,06	91%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (**)	167,07	370,23	122%

(*) Tổng nợ và tỷ lệ nợ xấu tính theo quy định của Thông tư 11/2021/TT-NHNN
(**) Tại thời điểm cuối năm

2.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

2.5.1. Cổ phần

- Tại ngày 31/12/2023, tổng số lượng cổ phần là 704.248.289 cổ phần, bao gồm:

- Số lượng cổ phần lưu hành: 704.248.289 cổ phần.
  Trong đó:
  + Cổ phần phổ thông: 704.248.289 cổ phần
  + Cổ phần ưu đãi: Không có
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

➢ Phân loại cổ phần theo tiêu chí chuyển nhượng:

Loại cổ phần	Số lượng cổ phần
Cổ phần tự do chuyển nhượng	466.816.235
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	237.432.054
Tổng cộng	**704.248.289**

Lý do hạn chế chuyển nhượng:

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực không được chuyển nhượng cổ phiếu trong thời gian đảm nhận chức vụ theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 ngày 16/06/2010; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2017 ngày 20/11/2017.
2. Các cổ đông mua cổ phiếu của EVNFinance theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị EVNFinance số 79/NQ-HĐQT-TCDL ngày 17/11/2023 về việc Phân phối chào bán số cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không thực hiện hoặc thực hiện không hết quyền mua trong Đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng năm 2023 của EVNFinance bị hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu đã mua trong thời hạn 01 (năm) năm.
3. Các cổ đông là cán bộ nhân viên EVNFinance trong Đợt phát hành cổ phiếu cho CBNV theo chương trình Lựa chọn cho người lao động năm 2023 của EVNFinance bị hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu đã mua trong thời hạn 01 (một) năm.

2.5.2. Cơ cấu cổ đông

Theo tiêu chí tỉ lệ sở hữu (cổ đông lớn (*), cổ đông nhỏ) tại 31/12/2023

	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
Cổ đông lớn	0	0	0%
Cổ đông nhỏ	55.830	704.248.289	100%
Tổng cộng	**55.830**	**704.248.289**	**100%**

(*) Theo Khoản 26 Điều 4 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật số 17/2017/QH14 sửa đổi thì "cổ đông lớn của tổ chức tín dụng cổ phần là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Tổ chức tín dụng cổ phần đó". Cụ thể, theo Điều lệ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực "cổ đông lớn là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của EVNFinance".

Theo tiêu chí cổ đông nhà nước và cổ đông khác tại 31/12/2023

	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
Cổ đông nhà nước	0	0	0%
Cổ đông khác	55.830	704.248.289	100%
Tổng cộng	**55.830**	**704.248.289**	**100%**

Theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân tại 31/12/2023

Tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
Tổ chức	56	122.767.905	17,43%
Cá nhân	55.774	581.480.384	82,57%
Tổng cộng	**55.830**	**704.248.289**	**100%**

Theo tiêu chí cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài tại 31/12/2023

Tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
Cổ đông trong nước	55.790	701.110.909	99,55%
Cổ đông nước ngoài	40	3.137.380	0,45%
Tổng cộng	**55.830**	**704.248.289**	**100%**

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 50% theo công văn số 3607/UBCK-PTTT ngày 14/7/2021 về hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được công bố thông tin theo đúng quy định.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban Lãnh đạo tại 31/12/2023

TT	Thành viên	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Ông Phạm Trung Kiên Chủ tịch Hội đồng quản trị	3.051.785	0,433

TT	Thành viên	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
2	Ông Lê Mạnh Linh - Thành viên Hội đồng Quản trị	3.065.723	0,435
3	Ông Mai Danh Hiền - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	2.729.194	0,388
4	Ông Nguyễn Trung Thành - Thành viên Hội đồng Quản trị	34.451	0,005
5	Ông Lê Hoài Nam -Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị	34.451	0,005
6	Ông Nguyễn Văn Hải - Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị	34.451	0,005
7	Ông Lê Long Giang – Trưởng Ban Kiểm soát	33.300	0,0047
8	Ông Nghiêm Khắc Đạt – Thành viên Ban Kiểm soát	42.063	0,006
9	Bà Lê Khánh Ngọc - Thành viên Ban Kiểm soát	68.903	0,010
10	Bà Tôn Thị Hải Yến- Phó Tổng Giám đốc	1.048.849	0,149
11	Ông Lê Anh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc	115.178	0,016
12	Ông Đào Lê Huy - Phó Tổng Giám đốc	80.000	0,011
13	Ông Hoàng Thế Hưng - Phó Tổng Giám đốc	51.677	0,388
14	Ông Lâm Nguyễn Thiện Nhơn Phó Tổng Giám đốc	51.677	0,149
15	Ông Mai Xuân Đông - Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng	25.420	0,004
16	Ông Hoàng Nhật Nam - Giám đốc chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	41.000	0,006
17	Ông Tống Nhật Linh - Kế toán trưởng	41.342	0,011

2.5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty thành lập với Vốn Điều lệ ban đầu là 2.500.000.000.000 đồng.

Ngày 19/3/2020, EVNFinance đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ, trả cổ tức bằng cổ phiếu. Ngày 27/04/2020, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi, Vốn Điều lệ của Công ty là 2.649.812.650.000 đồng.

Ngày 12/08/2021, EVNFinance đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ, trả cổ tức bằng cổ phiếu. Ngày 13/09/2021, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi, Vốn Điều lệ của Công ty là 3.047.076.280.000 đồng.

Ngày 07/04/2023, EVNFinance đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ, trả cổ tức bằng cổ phiếu. Ngày 27/04/2023, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi, Vốn Điều lệ của Công ty là 3.244.869.580.000 đồng.

Ngày 21/09/2023, EVNFinance đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ, trả cổ tức bằng cổ phiếu. Ngày 07/10/2023, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi, Vốn Điều lệ của Công ty là 3.510.640.310.000 đồng.

Đến 31/12/2023, EVNFinance đã hoàn thành tăng vốn Điều lệ theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, vốn điều lệ Công ty ghi nhận đạt 7.042.482.890.000 đồng.

2.5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ, các chứng khoán khác

➢ ***Giao dịch cổ phiếu quỹ***

Không có.

➢ ***Các chứng khoán khác***

Trong năm 2023, Công ty không phát hành Trái phiếu mới.

Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật đối với các Trái phiếu đã phát hành.

➢ ***Đầu mối công tác về nhà đầu tư, cổ đông của Công ty***

Công ty thành lập Bộ phận chuyên trách phụ trách công tác quan hệ nhà đầu tư, cổ đông, công bố chi tiết thông tin nhân sự liên lạc tại website của Công ty và các tài liệu liên quan đến cổ đông (Bản cáo bạch tăng vốn, thư mời tham dự họp đại hội đồng cổ đông,...), bố trí nhân sự thường trực tiếp đón tiếp cổ đông tại văn phòng Hội sở chính và các Chi nhánh của Công ty. Theo đó, thông tin cụ thể:

Bộ phận Giao dịch và Quản lý thông tin Cổ đông - Ban Trợ lý Hội đồng Quản trị, Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực

Đầu mối: Bà Đỗ Thu Hường, Email huongdt@evnfc.vn hoặc email lienhc@evnfc.vn

Điện thoại: 024-2222 9999 – Máy lẻ: 755/754

Số fax: (84-4) 2222 1999

2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

2.6.1. Tác động lên môi trường, quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước

Từ năm 2020 EVNFinance bắt đầu triển khai cho vay các dự án tín dụng xanh với phương châm hiệu quả, an toàn và đúng quy định. Tính đến thời điểm 31/12/2023, EVNFinance đã cấp tín dụng cho 150 dự án năng lượng tái tạo. Sản lượng điện kỳ vọng mỗi năm của các dự án đạt được từ 376MWh~242.171MWh.

Đặc biệt, công tác cấp tín dụng của EVNFinance đối với các dự án đã góp phần giảm phát thải năm 2023 dự tính là 2.057.051 tCO2 (chỉ số này được tính theo CV số 1278/BĐKH-TTBVTOD về việc công bố kết quả tính toán hệ số phát thải của lưới điện Việt Nam năm 2021 của Cục Biến đổi Khí hậu – Bộ Tài Nguyên và Môi trường gửi ngày 31/12/2022). Đây là một con số thể hiện sự chung tay của EVNFinance góp phần hành động cùng kế hoạch cấp tín dụng xanh của NHNN nói riêng và thực hiện nhiệm vụ khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu của Quốc gia nói chung.

Các nội dung về môi trường và xã hội của Công ty được báo cáo tại Báo cáo phát triển bền vững của Công ty.

2.6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

2.6.3. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Năm 2023, Công ty có số lượng cán bộ nhân viên (CBNV) bình quân là 372 người, với mức thu nhập bình quân 29,04 triệu đồng/người/tháng.

Công ty luôn tạo điều kiện làm việc để người lao động yên tâm công tác. 100% CBNV đều được đảm bảo việc làm, bố trí sắp xếp công việc phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn của CBNV và yêu cầu kinh doanh của Công ty. Lãnh đạo Công ty luôn tạo đủ điều kiện cần thiết để CBNV hoàn thành công việc được giao. Chính sách lương được thực hiện công bằng, minh bạch phù hợp với năng lực và sự đóng góp của mỗi CBNV. CBNV được hưởng lương cấp bậc chức danh và lương hiệu quả công việc căn cứ trên cơ sở kết quả kinh doanh của Công ty đạt được và hiệu quả công việc của đơn vị. Việc này khuyến khích CBNV cố gắng để cá nhân, đơn vị đạt kết quả công việc cao, hoàn thành tối đa kế hoạch được giao. Trong năm, Công ty đã thực hiện thanh toán, chi

trả tiền lương cho CBNV đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định, đảm bảo thu nhập thường xuyên cho người lao động, CBNV yên tâm công tác và cống hiến cho Công ty.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Với quan điểm coi "con người" là trọng tâm của doanh nghiệp và mục tiêu xây dựng Công ty "Thịnh vượng hơn – Hạnh phúc hơn", EVNFinance luôn chú trọng đến các chế độ chính sách dành cho người lao động nhằm đảm bảo việc làm và đời sống của CBNV được cân bằng, bền vững.

EVNFinance duy trì một hệ thống chế độ phúc lợi dành cho CBNV đa dạng và nhân văn, có thể kể đến như: ghi nhận danh hiệu thi đua khen thưởng; quà Lễ Tết; quà nhân dịp sinh nhật CBNV; quà mừng tuổi CBNV dịp Tết Nguyên đán; quà nhân ngày Quốc tế Phụ nữ và Phụ nữ Việt Nam; quà nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi và quà Trung thu dành cho con của CBNV; quà tri ân phụ huynh của CBNV, quà khuyến học cho con CBNV có thành tích học tập hoặc thành tích ở tất cả các bộ môn văn hóa, văn nghệ, thể thao; các chương trình gắn kết nhân viên hàng năm; ... Đặc biệt, năm 2023 cũng đánh dấu sự kiện lần đầu tiên EVNFinance phát hành cổ phiếu ưu đãi cho CBNV - chính sách này nhằm ghi nhận, tri ân đến các CBNV có đóng góp và tạo động lực đồng hành với sự phát triển của Công ty.

Năm 2023, một trong những mục tiêu trọng tâm của EVNFinance là xây dựng cơ chế tạo động lực cho người lao động. Công ty đã ban hành quy định đánh giá và xếp loại cá nhân và triển khai thực hiện từ quý II/2023. Việc triển khai cơ chế đánh giá và xếp loại sẽ giúp khuyến khích, tạo động lực cho đơn vị/cá nhân xuất sắc và cảnh báo đối với đơn vị/cá nhân có kết quả chưa tốt.

Hàng năm, EVNFinance duy trì chính sách chăm lo và bảo vệ sức khỏe cho CBNV như tổ chức khám sức khỏe định kỳ và mua gói bảo hiểm sức khỏe nâng cao dành cho CBNV. Trong năm, CBNV được đào tạo về phòng cháy, chữa cháy, kỹ năng thoát hiểm, giữ gìn vệ sinh lao động theo tiêu chuẩn 5S. Bên cạnh đó, Công ty và Ban chấp hành Công đoàn luôn kịp thời thăm hỏi, động viên CBNV không may ốm đau, tai nạn, thể hiện sự quan tâm của Công ty đối với CBNV.

Công ty thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước liên quan đến người lao động.

Kể từ cuối năm 2022, EVNFinance triển khai khảo sát đánh giá môi trường làm việc và mức độ hài lòng của CBNV. Chương trình đã nhận được sự ủng hộ của Ban lãnh đạo và sự hưởng ứng của đông đảo CBNV. Kết quả khảo sát đã giúp các cấp lãnh đạo quản lý của Công ty có góc nhìn toàn diện về đánh giá, mong muốn của CBNV đối với môi trường làm việc tại EVNFinance, từ đó có kế hoạch hành động trong thời gian tiếp

theo nhằm cải thiện hiệu quả làm việc, nâng cao tỷ lệ hài lòng của CBNV, góp phần tạo nên môi trường làm việc hạnh phúc hơn.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty ban hành chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, là cơ sở để xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng mềm cho cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống. Thông qua cơ chế đào tạo, Công ty khuyến khích và tạo điều kiện để nhân viên ở mọi cấp bậc tích cực học tập, nâng cao trình độ, phát huy tối đa năng lực, khả năng của bản thân. Các chương trình đào tạo nguồn nhân lực tại EVNFinance được xây dựng dựa trên nhu cầu, yêu cầu công việc và năng lực, sự phát triển của mỗi cá nhân phù hợp với các mục tiêu, chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Công ty từng thời kỳ.

Với mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn, kỹ năng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe và phát triển nhanh chóng của thị trường, công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực tại EVNFinance luôn được chú trọng và đẩy mạnh. Năm 2023, EVNFinance chủ động phát huy nội lực tự đào tạo, các hoạt động tọa đàm, hội thảo, trao đổi nội bộ với hình thức, nội dung, đối tượng phong phú được tổ chức thường xuyên bởi đội ngũ Giảng viên nội bộ, giỏi nghiệp vụ, có kỹ năng giảng dạy chuyên nghiệp giúp cho CBNV và các đơn vị có cơ hội trao đổi, bổ sung kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình tác nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty khuyến khích CBNV tham gia các khóa đào tạo, tập huấn chuyên môn, hội thảo chuyên đề bên ngoài với mục tiêu nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật kiến thức mới, trang bị bổ sung kỹ năng cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc, đồng thời tạo nền tảng để phát triển bản thân, phát triển sự nghiệp.

Trước bối cảnh đòi hỏi yêu cầu phát triển bền vững trong thời đại mới, năm 2023, EVNFinance tập trung đẩy mạnh triển khai các chương trình đào tạo, huấn luyện nhằm phát triển năng lực lãnh đạo lên tầm cao cho các cán bộ lãnh đạo trong kinh doanh cũng như trong công tác quản trị, điều hành Công ty, một số chương trình nổi bật EVNFinance đã phối hợp cùng với các đối tác tổ chức như: "Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng Quản trị"; "Chia sẻ về Văn hóa Quản trị Công ty"; "Năng lực trình bày thực tiễn và truyền cảm hứng", "Lãnh đạo khai mở tiềm năng đội ngũ", ...

Kết quả năm 2023, số giờ đào tạo bình quân đạt mức 13,6 giờ/cán bộ.

2.6.4. Các hoạt động cộng đồng - xã hội

"EVNFinance – Vì một tương lai xanh được tạo nên từ những giá trị bền vững" là mục tiêu xuyên suốt của EVNFinance, nhằm chung tay cùng ngành tài chính - ngân hàng thực hiện thành công chiến lược quốc gia của Việt Nam về kinh tế xanh thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Từ thông điệp này, EVNFinance đã không

ngừng triển khai và tham gia nhiều chương trình hoạt động có ý nghĩa nhân văn, hướng tới việc xây dựng một hệ sinh thái bền vững với cộng đồng, môi trường và xã hội.

➢ ***Hoạt động vì môi trường***

Xuyên suốt trong năm 2023, EVNFinance đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực để nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng nói chung và đối với CBNV của EVNFinance nói riêng.

Tiêu biểu như "Ngày hội tái chế - Recycle Day" được Đoàn Thanh niên EVNFinance tổ chức, với thông điệp nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phân loại, tái chế rác thải và chia sẻ các quy trình tái chế rác thải đến cán bộ nhân viên. Thông qua hoạt động, CBNV EVNFinance đã được hướng dẫn về việc thu gom rác có khả năng tái sử dụng, tái chế (nhựa, giấy, kim loại...); tìm hiểu về các cách phân loại, tái chế rác; và đổi rác tái chế lấy những món quà ý nghĩa.

Chương trình "Clean Day" với mục tiêu giữ gìn không gian làm việc xanh - sạch - chuyên nghiệp tại Công ty; việc thay thế toàn bộ chai nhựa bằng chai thủy tinh để tái chế tại các văn phòng của EVNFinance từ năm 2023 là những hoạt động vì môi trường được Công ty phát động và triển khai trên toàn Công ty. EVNFinance đã thay thế tất cả chai nước nhựa dùng một lần trong phòng họp bằng chai thủy tinh, đồng thời khuyến khích CBNV mang theo cốc sứ, cốc cá nhân trong các cuộc họp nội bộ. Với sự thay đổi này, Công ty đã tiết kiệm một cách hiệu quả hàng ngàn chai nhựa mỗi tháng. EVNFinance sẽ tiếp tục giảm thiểu chất thải nhựa trong việc thực hiện chương trình khảo sát và tái chế rác thải trong các năm tới.

Trong năm 2023, EVNFinance đã tổ chức giải chạy "Chạy vì cộng đồng xanh", với sự tham gia của hàng trăm CBNV với hai cự ly 2.500 m và 5.000 m. Không chỉ dừng lại ở sự gắn kết, giải chạy là dịp để tuyên truyền và lan tỏa các thông điệp về ESG (bộ tiêu chuẩn quản lý môi trường, xã hội và quản trị), trong đó có việc xây dựng thói quen tốt cho sức khoẻ, gia tăng các hoạt động xanh, giảm thiểu khí thải từ các phương tiện giao thông, hướng tới mục tiêu bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Nhiều năm trở lại đây, kinh tế thế giới tăng trưởng mạnh đã đồng thời kéo theo vấn đề bảo vệ môi trường trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết đối với tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Do vậy, khi xã hội chung tay bảo vệ môi trường dù chỉ từ những hành động nhỏ nhưng lại có thể đem lại những ý nghĩa và tác dụng vô cùng lớn lao. Ở EVNFinance, chúng tôi đang từng bước hướng tới phát triển bền vững từ những điều nhỏ nhất. Những hành động nhỏ đó sẽ mang lại những giá trị tích cực và lâu dài.

➢ ***Hoạt động từ thiện, an sinh xã hội***

Tiếp nối truyền thống của Công ty, hàng năm EVNFinance triển khai nhiều chương trình từ thiện, an sinh xã hội trong các lĩnh vực như giáo dục, y tế, đền ơn đáp nghĩa, về nguồn... Các chương trình này có ý nghĩa lớn trong việc hình thành nếp sống tương thân tương ái, uống nước nhớ nguồn cho CBNV, đồng thời góp phần chia sẻ khó khăn với cộng đồng, xã hội trên tinh thần "Lá lành đùm lá rách".

Chương trình "K5 - Nâng bước em đến trường"

Một trong các hoạt động tiêu biểu trong năm 2023 là chương trình "K5 – Nâng bước em tới trường", do EVNFinance và các thành viên Khối thi đua các tổ chức tín dụng số 5 (gọi tắt là Khối thi đua số 5) phối hợp tổ chức tại huyện Bá Thước, một huyện miền núi nghèo của tỉnh Thanh Hóa. Tháng 11/2023, EVNFinance đã cùng với các thành viên trong Khối đã khánh thành công trình an sinh xã hội và trao quà tại hai điểm trường của Trường Tiểu học Cổ Lũng (điểm trường La Ca) và Trường Mầm non Thành Sơn (điểm trường Eo Kén) thuộc huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Những phần quà có ý nghĩa thiết thực, phục vụ công tác dạy và học của thày trò tại các điểm trường trên. Tổng kinh phí tài trợ cho 2 điểm trường là hơn 236 triệu đồng. Nhân dịp này, Công đoàn Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực đã đến thăm và trao quà cho các em nhỏ tại Trường Mầm non Cổ Lũng với phần quà trị giá trên 82 triệu đồng nhằm mang lại những điều kiện tốt hơn trong việc giảng dạy và học tập tại địa phương, nâng cao chất lượng an sinh xã hội trong mảng giáo dục – đặc biệt là giáo dục mầm non. Công đoàn EVNFinance đã trao tặng cho Trường mầm non Cổ Lũng những trang thiết bị cần thiết cho hoạt động giáo dục như toàn bộ dụng cụ đồ dùng bếp ăn bán trú, tivi 65 inches làm giáo cụ trực quan và 180 áo khoác đồng phục cùng các suất quà cho tất cả các em học sinh. Ngoài ra, Công đoàn Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực cũng trao tặng 02 chiếc tivi 55 inches cho điểm trường Eo Kén (Trường Tiểu học Cổ Lũng) và điểm trường La Ca (Trường Mầm non Thành Sơn) sử dụng làm giáo cụ trong quá trình giảng dạy.

Chương trình Giải cứu nông sản cho người dân Khánh Hòa

Trong năm 2023, Đoàn Thanh niên EVNFinance đã kêu gọi CBNV trong công ty chung tay hỗ trợ người dân Khánh Hòa thông qua chương trình "Giải cứu bí đỏ Khánh Hòa". Chỉ trong 5 ngày, EVNFinance đã "giải cứu" thành công 2,45 tấn bí đỏ giúp người dân Khánh Hóa, vượt mục tiêu đặt ra. Trong đó, anh chị em CBNV EVNFinance đã mua ủng hộ tổng cộng gần 1,7 tấn, Đoàn Thanh niên EVNFinance đã ủng hộ các bếp ăn từ thiện gần 800kg bí, tổng số tiền thu được gần 15 triệu đồng. Số tiền này đã được chuyển khoản minh bạch đến tay người dân Ninh Sơn, Khánh Hòa.

Bên cạnh đó, nhiều bếp ăn tại các điểm từ thiện, các trường mẫu giáo cũng đã nhận được bí ngô từ các Mạnh thường quân của EVNFinance. Điều này đã tạo nên một hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng.

Song song với các Chương trình từ thiện, hàng năm cán bộ nhân viên Công ty nhiệt tình hưởng ứng tham gia Chương trình hiến máu cứu người với tinh thần "Một giọt máu triệu tấm lòng". Chương trình "Chiến dịch hồng EVNFinance 2023" do Công ty phát động và hợp tác với Viện Huyết học truyền máu Trung ương... nhằm chia sẻ giọt máu nghĩa tình, góp phần đem lại sự sống cho người bệnh. Với tinh thần "Một giọt máu cho đi – Một cuộc đời ở lại", Chiến dịch hồng EVNFinance 2023 được tổ chức nhằm nêu cao tinh thần tình nguyện tham gia hiến máu cứu người của tập thể CBNV Công ty, thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, cùng chung tay thắp lên ngọn lửa hi vọng và tiếp thêm sức mạnh cho những người kém may mắn. Tổng kết, EVNFinance đã đóng góp được 55 đơn vị máu (tương đương 18,05 lít máu) tới nguồn máu của Việt Huyết học - Truyền máu Trung ương.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành

3.1. Báo cáo kết quả kinh doanh

3.1.1. Hoạt động nguồn vốn - Hoàn thành tăng vốn, nâng cao năng lực tài chính, tăng trưởng nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh

Trong năm 2023, EVNFinance đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên hơn 7.042 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu 1:1 và chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động ESOP, theo đó, vốn điều lệ của EVNFinance đã tăng hơn 100% so với đầu năm 2023. Đây là lần đầu tiên EVNFinance phát hành cổ phiếu cho người lao động là lãnh đạo và các cán bộ nhân viên có thâm niên công tác tại EVNFinance. Việc tăng vốn điều lệ gấp đôi sẽ giúp EVNFinance nâng cao năng lực tài chính, đồng thời tạo cơ sở để phát triển và tăng lãi cơ bản trên cổ phiếu trong những năm tiếp theo.

Bên cạnh đó, tổng nguồn vốn huy động đến 31/12/2023 đạt 39.351 tỷ đồng, tăng 6,7% so với cuối năm 2022, góp phần đảm bảo thanh khoản và an toàn hoạt động, tuân thủ nghiêm ngặt các tỷ lệ, chỉ số theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Năm 2023, trong diễn biến khó khăn của nền kinh tế thế giới và Việt Nam, các Tổ chức tín dụng đã phải đối mặt với những thách thức rất lớn. Hậu quả khủng hoảng tài chính thị trường 2 vào cuối năm 2022 làm cho chi phí vốn năm 2023 của các tổ chức tín dụng tăng cao. Tuy nhiên, nền kinh tế không hấp thu được nguồn vốn dẫn đến dư thừa nguồn vốn trong hệ thống ngân hàng, đặc biệt trong nửa cuối năm 2023. Trong bối cảnh đó, EVNFinance đã kiên định bám sát mục tiêu chiến lược, thực hiện hiệu quả các giải pháp nhằm phát triển ổn định quy mô, duy trì cơ cấu nguồn vốn bền vững, an toàn

và hiệu quả. Theo đó, Công ty đã áp dụng và thực hiện các chính sách huy động vốn phù hợp để đa dạng hóa nguồn vốn huy động, kiểm soát chi phí, tăng hiệu quả hoạt động, giảm thiểu các rủi ro trong đó có rủi ro kỳ hạn.

EVNFinance tiếp tục mục tiêu mở rộng thị trường huy động vốn ra các thị trường quốc tế, trong năm 2023, bên cạnh các đối tác cũ, EVNFinance đã mở rộng quan hệ và huy động từ các đối tác mới như: Microfinance Enhancement Facility SA, SICAV-SIF; Covid-19 Emerging and Frontier Markets MSME Support Fund SCSp SICAV-RAIF; Saison Investment Management Private Limited;...Điều này khẳng định EVNFinance đã xây dựng được thương hiệu có uy tín đối với các tổ chức quốc tế.

Bên cạnh đó, tiếp theo những kết quả đạt được trong năm 2022, năm 2023 Công ty đã tiếp tục thực hiện phát hành giấy tờ có giá để gia tăng nguồn vốn huy động trung và dài hạn. Công ty tập trung đa dạng tệp các khách hàng tiềm năng và phát triển thêm các khách hàng mới, có vị thế trên thị trường nhằm huy động và duy trì nguồn vốn có kỳ hạn phù hợp, ổn định.

3.1.2. Hoạt động cấp tín dụng - Tăng trưởng tín dụng theo kế hoạch mục tiêu

Tại 31/12/2023, tổng dư nợ cấp tín dụng (cho vay và trái phiếu doanh nghiệp) của EVNFinance đạt 33.569 tỷ đồng. Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam vừa phải tiếp tục khắc phục những ảnh hưởng của đại dịch Covid, vừa phải đối mặt với những thách thức lớn từ những bất ổn kinh tế thế giới, chiến tranh... EVNFinance đã đặt mục tiêu và có những giải pháp hữu hiệu, thực hiện tăng trưởng tín dụng hiệu quả, an toàn, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tiếp cận được nguồn vốn tín dụng với lãi suất phù hợp với thực tế huy động vốn của Công ty. Kết quả tăng trưởng hoạt động tín dụng sẽ tạo nền tảng quy mô tài sản vững chắc cho các giai đoạn phát triển tiếp theo của EVNFinance.

Đối với hoạt động cho vay tổ chức kinh tế, Công ty thực hiện duy trì, phát triển cấp tín dụng cho các đơn vị, các dự án trong ngành Điện, năng lượng mới, sản phẩm tín dụng xanh phù hợp với mục tiêu ra đời và hoạt động của EVNFinance là điều hoà vốn trong ngành điện, tài trợ vốn cho các dự án trong ngành. Cơ cấu tín dụng được đảm bảo hợp lý, an toàn. Tỷ lệ nợ xấu luôn < 2% theo kế hoạch của Công ty và đảm bảo < 3% theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Cùng với việc tăng trưởng tài sản, Công ty đã đẩy mạnh công tác kiểm soát nợ quá hạn.

Bên cạnh đó, EVNFinance tiếp tục triển khai hoạt động nhận ủy thác quản lý các khoản vay của Chính phủ đối với các dự án ngành Điện, đóng góp vai trò rất lớn trong việc thúc đẩy các dự án đầu tư, xây dựng, phát triển hệ thống điện quốc gia.

3.1.3. Dịch vụ kiểm soát chi và quản lý ủy thác cho vay lại - duy trì theo kế hoạch

Đến 31/12/2023, EVNFinance đang quản lý giải ngân, thực hiện cho vay lại các dự án với tổng giá trị cam kết tài trợ gần 5 tỷ USD (quy đổi theo tỷ giá tùy theo thời điểm). Các hoạt động kiểm soát chi, giải ngân nhận nợ, các nghiệp vụ quản lý sau cho vay được triển khai đúng tiến độ yêu cầu. Công tác thu, trả nợ được thực hiện theo đúng quy định tại các văn kiện tín dụng, không phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn.

Để đảm bảo chất lượng dịch vụ triển khai các dự án đã được giao, EVNFinance đã chú trọng đầu tư nguồn lực, đảm bảo năng lực cho các đơn vị nghiệp vụ để cung cấp dịch vụ tốt nhất đến khách hàng.

3.1.4. Kinh doanh tiền tệ trên thị trường liên ngân hàng

EVNFinance có quan hệ giao dịch tốt, thường xuyên với hầu hết các Tổ chức tín dụng trong nước tại thị trường Việt Nam và một số Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài. EVNFinance đã chủ động cân đối nguồn vốn thông qua việc dự báo dòng tiền đầu ra và dòng tiền đầu vào, từ đó triển khai thực hiện linh hoạt hoạt động kinh doanh vốn trên thị trường liên ngân hàng, xây dựng các mối quan hệ bền vững, tốt đẹp với nhiều Tổ chức tín dụng trong nước, các Chi nhánh của Ngân hàng nước ngoài, thực hiện đánh giá và trao đổi hạn mức với các Định chế tài chính, tạo sự chủ động về nguồn vốn đáp ứng yêu cầu kinh doanh.

3.1.5. Đầu tư tài chính

Danh mục đầu tư của Công ty được đa dạng hóa, triển khai linh hoạt phù hợp với từng thời kỳ từ trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh đến giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng khác, góp vốn mua cổ phần,... Việc tham gia đầu tư trái phiếu Chính phủ và trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh một mặt đã đóng góp vào sự phát triển chung của Đất nước, mặt khác đảm bảo khả năng thanh khoản và đóng góp hiệu quả cho Công ty.

Hoạt động đầu tư tài chính luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định, quy trình nghiệp vụ của Công ty và quy định của các Cơ quan quản lý Nhà nước.

Bên cạnh đó, Công ty luôn tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp có tài chính lành mạnh, ngành nghề kinh doanh chủ yếu là các lĩnh vực thiết yết của nền kinh tế với mục tiêu nắm giữ dài hạn, đồng hành cùng với sự phát triển của doanh nghiệp, tuân thủ nghiêm túc về giới hạn, tỷ lệ và các nội dung khác của hoạt động góp vốn mua cổ phần theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của EVNFinance. Song song với đó, EVNFinance vẫn tiếp tục duy trì và tìm kiếm những khoản góp vốn vào các dự án điện mặt trời, điện gió được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều hiệu quả đầu tư trong thời gian dài của Công ty.

3.1.6. Quản trị rủi ro

Công tác quản trị rủi ro của EVNFinance trong các năm qua luôn được quan tâm hàng đầu nhằm nâng cao chất lượng hoạt động và hướng đến mục tiêu quản lý toàn diện các rủi ro trọng yếu: rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro môi trường xã hội và các rủi ro khác theo chiến lược và khẩu vị từng thời kỳ. Thông qua các quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước đối với các rủi ro nêu trên và xuất phát từ thực tiễn quản trị rủi ro, EVNFinance đã xây dựng các quy chế, quy định phù hợp để kiểm soát các rủi ro có thể xảy ra cũng như đưa các kịch bản phù hợp nhằm giảm thiểu các rủi ro này.

Trong thời gian qua, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành: (i) Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023; (ii) Thông tư số 14/2023/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của TCTD Phi ngân hàng - là 02 chính sách thay đổi đáng kể của Ngân hàng Nhà nước đối với TCTD nói chung và công ty tài chính nói riêng, tạo tiền đề từng bước tiệm cận với thông lệ quốc tế. Với cơ chế quản trị nội bộ, EVNFinance luôn chủ động nghiên cứu, thực hiện triển khai rà soát, đánh giá và kiện toàn hệ thống văn bản chính sách, xây dựng các công cụ đánh giá nội bộ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, đảm bảo tuân thủ cũng như tăng cường công tác quản trị rủi ro nội bộ, cụ thể:

+ Quy chế Chấm điểm xếp hạng khách hàng;

+ Quy chế phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

+ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro;

+ Quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có;

+ Quy định về hệ thống quản lý môi trường và xã hội;

+ Chính sách quản lý rủi ro môi trường và xã hội;

+ Quy định về cơ cấu nợ;

+ Quy định quản lý rủi ro tín dụng;

+ Quy định quản lý rủi ro thị trường... và các văn bản pháp luật liên quan.

Hiện nay, các văn bản quy định nội bộ nêu trên và các quy định nội bộ khác đã góp phần ổn định hoạt động của EVNFinance và phát huy vai trò kiểm soát, quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của EVNFinance.

Mức độ áp dụng các quy định về quản trị Ngân hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế:

- EVNFinance thực hiện quản trị ngân hàng tuân thủ và đảm bảo theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam như: Thông tư số 23/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 52/2018/TT-NHNN quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Thông tư số 23/2020/TT-NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; Thông tư 44/2011/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát và kiểm toán nội bộ,... và các văn bản khác.

- Bên cạnh đó, EVNFinance cũng đã ban hành, sửa đổi các quy định với mục tiêu hướng tới việc đưa hệ thống quản trị rủi ro tiệm cận với các nguyên tắc, chuẩn mực Basel2 cũng như quy định tại Thông tư 14/2023/TT-NHNN nêu trên, với mô hình tổ chức theo hướng tập trung hóa, chuyên môn hóa, phân tách chức năng, nhiệm vụ rõ ràng theo ba tuyến kiểm soát cho phép tách bạch trách nhiệm giữa chức năng kinh doanh, quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ đảm bảo tăng năng lực cạnh tranh và kiểm soát được rủi ro.

3.2. Tình hình tài chính

3.2.1. Tổng tài sản

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2023 đạt 49.221 tỷ đồng, tăng 17% so với thời điểm 31/12/2022, đạt 99% kế hoạch năm. Trong tổng tài sản, dư nợ cấp tín dụng thị trường 1 chiếm tỷ trọng lớn nhất, gần 70%, đây cũng là hoạt động chính đóng góp lợi nhuận ổn định cho Công ty. Song song với việc tăng trưởng về quy mô, EVNFinance luôn duy trì một bảng tổng kết tài sản vững mạnh với khả năng thanh khoản tốt tại mọi thời điểm.

3.2.2. Chất lượng tài sản

Chất lượng tài sản của EVNFinance luôn được đảm bảo qua mọi thời kỳ. Tỷ lệ nợ xấu tại 31/12/2023 đạt 1,08%, thấp hơn so với năm 2022, hoàn thành và vượt kỳ vọng mục tiêu. EVNFinance đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN tại mọi thời điểm. EVNFinance vận hành tuân thủ chặt chẽ hệ thống các văn bản quy định, đảm bảo hành lang kiểm soát, giám sát tính tuân thủ của các hoạt động kinh doanh, đồng thời với việc vận hành hệ thống quản trị rủi ro đã nêu ở trên, EVNFinance

xác định chính xác mức độ rủi ro để có biện pháp quản lý, phòng ngừa kịp thời và biện pháp xử lý thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra.

3.2.3. An toàn vốn

Năm 2023, EVNFinance đã hoàn thành tăng vốn lên 7.042 tỷ đồng. Với nền tảng vốn vững mạnh, tỷ lệ an toàn vốn của EVNFinance luôn >11%, cụ thể tỷ lệ an toàn vốn của EVNFinance tại 31/12/2023 là 18,29%. Trong các năm vừa qua hệ số này của EVNFinance luôn cao hơn mức quy định trên 9% của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư số 23/2020/TT-NHNN, và các văn bản sửa đổi bổ sung. Nhằm đảm bảo hệ số CAR tuân thủ theo quy định của NHNN, EVNFinance luôn chủ động quản lý tỷ lệ an toàn vốn và triển khai các biện pháp kiểm soát quy mô tài sản có rủi ro, xây dựng các giải pháp tăng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và chiến lược phát triển từng giai đoạn. Bên cạnh đó, các tỷ lệ an toàn thanh khoản như tỷ lệ khả năng thanh khoản ngay, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn,... đều ở mức tốt hơn so với quy định của Ngân hàng Nhà nước, đảm bảo tăng trưởng ổn định phát triển bền vững an toàn.

3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- **Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự phù hợp với yêu cầu kinh doanh của từng thời kỳ**

Năm 2023 đánh dấu một năm thay đổi mạnh mẽ của EVNFinance khi có sự thay đổi lớn về cấu trúc thượng tầng với sự biến động lãnh đạo cấp cao từ Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Cụ thể, bầu danh sách thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028, bổ nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm 02 Phó Tổng Giám đốc. Việc lựa chọn và tiến cử nhân sự quản lý cấp cao được thực hiện dựa trên năng lực và thành tích làm việc của từng cá nhân, đảm bảo công bằng và minh bạch. Những ứng viên được lựa chọn cần phải thể hiện được chuyên môn cao, năng lực quản trị điều hành trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty. EVNFinance thực hiện tiến cử ứng viên cho các vị trí quản lý cấp cao theo tiêu chuẩn của Luật các Tổ chức tín dụng, đồng thời chú trọng các nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn trong ngành tài chính ngân hàng, luật, kinh tế... Các nhóm cổ đông có quyền bình đẳng, độc lập trong việc đề cử nhân sự. Việc thay đổi này giúp EVNFinance có hướng đi và tư duy kinh doanh mới, tạo bước đà quan trọng cho sự phát triển của EVNFinance trong tương lai.

Công ty xây dựng chính sách thu nhập của Tổng Giám đốc/Người điều hành cấp cao gắn liền với kế hoạch và kết quả kinh doanh của năm, trong đó có kết nối với các mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Chính sách tiền lương, thu nhập cho các đơn vị, cá nhân được xây dựng trên cơ sở yêu cầu vị trí chức danh, trình độ, năng lực cán bộ và đặc biệt là căn cứ hiệu quả công việc của đơn vị. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả

công việc được xây dựng cụ thể; các đơn vị được giao các chỉ tiêu kế hoạch theo định kỳ và căn cứ đánh giá mức độ, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch để chi trả tiền lương, thu nhập. Mặt khác, Công ty có cơ chế phúc lợi, khen thưởng, chế độ trợ cấp, thăm hỏi CBNV phù hợp nhằm khuyến khích, động viên và tạo sự gắn bó lâu dài của CBNV đối với Công ty.

➢ **Xây dựng văn hóa doanh nghiệp**

Xác định văn hóa doanh nghiệp là nền tảng quan trọng dẫn dường cho các hoạt động của Công ty ổn định và phát triển bền vững, năm 2023 Công ty đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực đến toàn thể cán bộ nhân viên như: Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các nội dung tài liệu văn hóa EVNFinance; phát động và triển khai các phong trào, chương trình thi đua hướng đến chào mừng kỷ niệm 15 năm thành lập Công ty; duy trì các hoạt động văn hóa hội nghị, văn hóa giao tiếp, văn hóa trang phục, giao lưu thể dục thể thao, nhận diện thương hiệu, ... Nhờ đó, mọi hoạt động trong Công ty đều được thực hiện theo quy tắc chuẩn mực và chuyên nghiệp. Đặc biệt, năm 2023 Văn hóa doanh nghiệp tại EVNFinance được gắn liền với việc phát huy sáng kiến cải tiến trong công việc. Các ý tưởng, dự án đưa ra đều thể hiện tính hiệu quả cao trong công tác kinh doanh dịch vụ, cải tiến hệ thống/quy trình, phát triển công cụ, phần mềm, thông qua đó góp phần gia tăng năng suất và giá trị công việc. Một số sáng kiến như "Xây dựng cổng thông tin dành cho cán bộ nhân viên – My EVF"; "Ủy thác cho vay theo danh mục" hay "Xây dựng phần mềm soạn thảo văn bản E-Work" sẽ được đưa vào triển khai thực hiện trong năm 2024.

Để khẳng định về sức lan tỏa văn hóa doanh nghiệp một cách bền vững, mỗi cán bộ nhân viên Công ty đều quyết tâm làm việc trách nhiệm hơn, chuyên nghiệp và tận tâm hơn để mang lại hình ảnh và thương hiệu của EVNFinance đến với cộng đồng, đáp ứng ngày càng cao hơn về chất lượng dịch vụ cho đối tác và khách hàng. Cán bộ nhân viên EVNFinance đã, đang và sẽ nỗ lực phát huy mọi nguồn lực, tiềm năng góp phần vào sự phát triển bền vững của đơn vị và Công ty.

➢ **Xây dựng Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp**

Với định hướng phát triển tổ chức tín dụng chuyên nghiệp, hiện đại, an toàn, năm 2023, EVNFinance đã tổ chức triển khai xây dựng Bộ Chuẩn mực Đạo đức nghề nghiệp và Quy tắc ứng xử. Bộ chuẩn mực sẽ được xây dựng dựa trên Bộ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử của cán bộ ngân hàng do Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam ban hành. Theo đó, năm 2023, EVNFinance đã ban hành chủ điểm đầu tiên trong Bộ chuẩn mực là chủ điểm "Ý thức bảo mật thông tin", gồm 06 nguyên tắc đạo đức cốt lõi và 03 Quy tắc ứng xử. Mỗi chủ điểm sẽ tập trung vào những hành vi, biểu hiện trong hoạt động nghiệp vụ hàng ngày của cán bộ nhân viên, để từ đó cán bộ nhân viên có thể

chủ động điều chỉnh hành vi của mình phù hợp với các nguyên tắc chung. Chủ điểm "Ý thức bảo mật thông tin" được xây dựng trên cơ sở các hành vi được làm/không được làm nhằm bảo mật, đảm bảo an toàn thông tin, đặc biệt trong giai đoạn cuộc cách mạng 4.0, toàn nền kinh tế thực hiện số hóa thì vấn đề an toàn thông tin được đặt lên hàng đầu.

3.4. Kế hoạch phát triển

Công ty triển khai kế hoạch hoạt động kinh doanh theo định hướng phát triển đã đề ra, cụ thể:

- Công ty đặt mục tiêu hàng đầu là luôn đảm bảo nền vốn ổn định vững chắc để thực hiện điều phối vốn một cách hiệu quả vào các lĩnh vực kinh doanh chủ chốt. Mở rộng thị trường quốc tế đối với hoạt động huy động vốn.
- Tăng trưởng quy mô và hiệu quả hoạt động theo định hướng phát triển bền vững. Đây là mục tiêu xuyên suốt trong thời gian tới.
- Tiếp tục duy trì các hoạt động dịch vụ, trọng tâm là hoạt động Quản lý ủy thác và Cho vay lại.
- Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm dịch vụ mới dựa trên nền tảng công nghệ số và có hàm lượng công nghệ cao, không ngừng vươn lên với những bước tiến mạnh mẽ trong việc xây dựng hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ đa dạng, mang đến nhiều trải nghiệm mới cho khách hàng, gắn liền với lợi thế cạnh tranh của Công ty, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng.
- Chú trọng công tác xây dựng thương hiệu, tăng mạnh nhận diện quốc tế thông qua tăng giao dịch với các tổ chức tài chính quốc tế.
- Tiếp tục định vị EVNFinance bằng hệ thống xếp hạng quốc tế.

3.5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính năm 2023 của EVNFinance.

3.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)**

  Xem mục 2.6.1

- **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Song song với việc phát triển kinh doanh, EVNFinance luôn chú trọng phát triển nguồn lực về con người, coi người lao động là yếu tố quan trọng nhất quyết định thành công của doanh nghiệp. Bên cạnh việc đảm bảo các quy định của pháp luật trong công tác quản trị nguồn nhân lực, Công ty cam kết:

- Không phân biệt đối xử trong các hoạt động: tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng, bổ nhiệm, cơ hội phát triển nghề nghiệp của CBNV.
- Không sử dụng lao động trẻ em và không sử dụng lao động cưỡng bức trong mọi hoạt động của Công ty.

Công ty luôn đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ phúc lợi theo quy định của pháp luật, đồng thời được áp dụng những chính sách đãi ngộ cạnh tranh, vượt trội, góp phần để người lao động yên tâm, gắn bó với doanh nghiệp. Công tác đào tạo và các cơ hội phát triển được quan tâm, đẩy mạnh trong Công ty, đảm bảo những CBNV có năng lực sẽ có cơ hội phát triển nghề nghiệp tương xứng.

➢ **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng**

Xem mục 2.6.3.

IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty

4.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

➢ *Hoạt động kinh doanh năm 2023 tăng trưởng so với năm 2022*

- Tổng tài sản đạt: 49.221 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2022.
- Tỷ lệ nợ xấu: 1,08% (<2% theo kế hoạch của Công ty).

➢ *Lợi nhuận trước thuế năm 2023 tăng trưởng so với năm 2022*

- Lợi nhuận trước thuế đạt: 409,3 tỷ đồng.
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân và tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân lần lượt ở mức 6,28% và 0,71%.
- Dự phòng rủi ro được trích lập đầy đủ theo quy định.

➢ *Hoạt động an toàn*

EVNFinance luôn tuân thủ quy định về tỷ lệ an toàn vốn, giới hạn cấp tín dụng, tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn, giới hạn góp vốn mua cổ phần được quy định tại Thông tư số 23/2020/TT-NHNN ngày 31/12/2020 của Ngân hàng Nhà nước và các văn bản sửa đổi bổ sung.

4.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Dưới sự lãnh đạo của Tổng Giám đốc, Ban Tổng Giám đốc EVNFinance đã thể hiện tinh thần đoàn kết, sáng tạo, tâm huyết, dám nghĩ dám làm, quyết liệt, chuyên nghiệp và có nhiều đổi mới, vượt qua các thách thức của thị trường. Ban Tổng Giám đốc cũng đã thể hiện tính tuân thủ đối với các quy định về quản trị, điều hành, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Ban Tổng Giám đốc đã bám sát các mục tiêu, định hướng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao. Trong bối cảnh kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam đặc biệt đối mặt với những khó khăn, thách thức

trong năm 2023, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chỉ đạo, điều hành các hoạt động kinh doanh đạt được kết quả rất đáng ghi nhận.

4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị đã xác định các mục tiêu cụ thể bám sát mục tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua:

- Tập trung chiến lược phát triển đầu tư và tài trợ cho các dự án trong lĩnh vực năng lượng.
- Tiếp tục tăng trưởng quy mô hoạt động của Công ty, mở rộng thị trường, khẳng định vị thế của EVNFinance trong và ngoài nước.
- Kiên định với định hướng chiến lược phát triển hệ thống quản lý rủi ro tại EVNFinance, hướng tới chuẩn mực và thông lệ quốc tế trong khuôn khổ quy định của pháp luật; Xây dựng và áp dụng các phương pháp tiếp cận tổng quan mang tính chiến lược và toàn diện để xác định, đánh giá và xử lý những rủi ro ảnh hưởng đến EVNFinance nhằm bảo đảm an toàn hoạt động của EVNFinance và tối đa hóa lợi nhuận.
- Tăng cường công tác giám sát tuân thủ trong toàn hệ thống, đảm bảo hoạt động của Công ty đi đúng quỹ đạo, phù hợp với quy định của pháp luật và những chuẩn mực chung.

V. Quản trị Công ty

5.1. Hội đồng Quản trị

5.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

➢ **Thông tin về nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị của EVNFinance:**

- EVNFinance thực hiện tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 ngày 16/06/2010, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2017 ngày 20/11/2017, Luật Chứng khoán về nhiệm kỳ 05 (năm) năm của Hội đồng Quản trị Công ty. Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023 đã kết thúc nhiệm kỳ tại ngày 17/3/2023.
- Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028 của EVNFinance đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 bầu ra tại phiên họp ngày 17/3/2023, tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật đối với hoạt động của doanh nghiệp là một công ty đại chúng. Bên cạnh đó, là một tổ chức tín dụng, hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, được thành lập và hoạt động theo Luật các Tổ chức Tín dụng,

chịu sự quản lý trực tiếp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, công tác nhân sự của EVNFinance cần tuân thủ các quy định rất chặt chẽ, khắt khe về tiêu chuẩn và thủ tục lựa chọn lãnh đạo cấp cao. Theo đó:

- ✓ Tháng 11/2022, Hội đồng Quản trị EVNFinance đã thông qua và công bố thông tin Bộ tiêu chuẩn, điều kiện đề cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 và Quy định về hồ sơ đề cử nhân sự; Thông báo về việc Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028.
- ✓ Tháng 3/2023, căn cứ trên sự phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Công ty đã thực hiện công bố thông tin danh sách nhân sự dự kiến được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; Đồng thời, Công ty đã công bố thông tin Tài liệu Sơ yếu lý lịch và cam kết của các ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028.

➢ **Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị**

STT	Họ và Tên	Chức danh (Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên HĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên HĐQT (không điều hành)	17/03/2023	
		Chủ tịch HĐQT (không điều hành)	24/03/2023	
2	Ông Mai Danh Hiền	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	17/03/2023	
3	Ông Lê Mạnh Linh	Thành viên HĐQT (không điều hành)	17/03/2023	
4	Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên HĐQT (không điều hành)	17/03/2023	
5	Ông Lê Hoài Nam	Thành viên độc lập HĐQT	17/03/2023	
6	Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	17/03/2023	

Số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành là 05 thành viên, số thành viên độc lập Hội đồng Quản trị là 02 thành viên, đáp ứng và đáp ứng vượt tiêu chuẩn tối thiểu

theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty, là yếu tố tích cực tăng cường vai trò giám sát của Hội đồng Quản trị, góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông.

EVNFinance đáp ứng thông lệ tốt: Hiện HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 không có thành viên là người đã từng đảm nhận vị trí Tổng Giám đốc Công ty trong khoảng thời gian 2 (hai) năm trước khi đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT.

Kinh nghiệm của các thành viên Hội đồng Quản trị:

Các thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028 là các nhà lãnh đạo có bề dày kinh nghiệm hoạt động trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, luật...đã và đang có những đóng góp tích cực đối với hoạt động của Công ty. Có 04 (bốn) thành viên Hội đồng Quản trị Công ty là thành viên không điều hành có bề dày kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng là lĩnh vực hoạt động của EVNFinance.

STT	Họ và tên	Chức danh	Kinh nghiệm
1	Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	Giữ nhiều vị trí quản lý và lãnh đạo trong các tổ chức tín dụng như: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Quốc Tế, Ngân hàng TMCP Bản Việt.
2	Ông Mai Danh Hiền	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Công tác trong lĩnh vực kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Kế toán, Công ty TNHH Kiểm toán APEC, kiểm soát viên Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả và đảm nhận nhiều vị trí quản lý quan trọng tại EVNFinance.
3	Ông Lê Hoài Nam	Thành viên độc lập HĐQT	Công tác trong lĩnh vực bảo hiểm và giữ nhiều vị trí lãnh đạo cấp cao tại Công ty Tái bảo hiểm PVI, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng và Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội.
4	Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	Làm việc và giữ các vị trí quản lý, điều hành trong lĩnh vực pháp chế, xử lý nợ, quản lý nợ và khai thác tài sản tại các tổ chức tín dụng như: Techcombank, Techcombank AMC, SHB, VietA Bank

			và một số doanh nghiệp khác tại Việt Nam.
5	Ông Lê Mạnh Linh	Thành viên HĐQT	Giữ nhiều vị trí lãnh đạo quản lý tại các doanh nghiệp như CTCP Bánh kẹo Hải Hà, CTCP Quản lý Quỹ Amber và tổ chức tín dụng như Ngân hàng TMCP An Bình, Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP An Bình.
6	Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên HĐQT	Giữ vị trí quản lý tại Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu, và đã từng giữ vị trí Trưởng phòng Xử lý nợ tại EVNFinance.

➢ **Chức danh tại các Công ty khác của thành viên HĐQT tại thời điểm 31/12/2023**

EVNFinance tuân thủ quy định pháp luật và theo quy định tại Điều lệ EVNFinance cũng như Quy chế tổ chức và hoạt động của EVNFinance, các thành viên HĐQT của EVNFinance luôn đảm bảo thực hiện đúng quy định về việc không giữ vị trí thành viên HĐTQ tại hơn 5 doanh nghiệp khác. Cụ thể như sau:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Chức danh Thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT (không điều hành)	-
2	Ông Mai Danh Hiếu	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	-
3	Ông Lê Mạnh Linh	Thành viên HĐQT (không điều hành)	- Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Amber Capital - Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Quản lý Quỹ Amber - Thành viên Ban Điều hành Quỹ - Quỹ đầu tư trái phiếu an toàn Amber Thành viên Ban Điều hành Quỹ - Quỹ Đầu tư công nghệ Amber

STT	Họ và Tên	Chức danh	Chức danh Thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
4	Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên HĐQT (không điều hành)	- Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Amya Holdings
5	Ông Lê Hoài Nam	Thành viên độc lập HĐQT	- Chủ sở hữu - Công ty cổ phần eNAD - Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội
6	Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	- Chủ sở hữu/Đại diện theo pháp luật - Công ty Luật TNHH Một thành viên Nguyễn Hải và Anh Em

5.1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

❖ **Ủy ban Nhân sự (UBNS):** Ủy ban Nhân sự đã tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT, người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty; tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh liên quan đến thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Người điều hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT về chính sách, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo, hệ thống cấp bậc chức danh, cơ cấu tổ chức bộ máy và các chính sách đãi ngộ khác đối với người điều hành, cán bộ, nhân viên của Công ty và các nhiệm vụ khác do HĐQT giao cụ thể.

Thành viên Ủy ban Nhân sự:

- Chủ tịch UBNS: Ông Phạm Trung Kiên, Chủ tịch HĐQT
- Các thành viên UBNS:
  + Ông Mai Danh Hiền, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
  + Ông Lê Mạnh Linh, Thành viên HĐQT
  + Bà Bùi Thị Việt Hà, Giám đốc Khối Nguồn Nhân lực

+ Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Giám đốc Khối Quản trị điều hành

❖ **Ủy ban Quản lý rủi ro (UB QLRR):** Ủy ban Quản lý rủi ro đã tham mưu cho HĐQT về chiến lược quản lý rủi ro, chính sách rủi ro, mức độ chấp nhận rủi ro và giới hạn cho phép về rủi ro; về việc ban hành các quy định, chính sách thuộc thẩm quyền của Ủy ban Quản lý rủi ro liên quan đến quản trị rủi ro; phân tích những cảnh báo về mức độ an toàn của Công ty trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này; về việc xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Công ty để đưa ra các khuyến nghị cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động của Công ty.

Thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro:

- Chủ tịch UBQLRR: Ông Lê Hoài Nam, Thành viên độc lập HĐQT
- Các thành viên UBQLRR:
  + Ông Nguyễn Văn Hải, Thành viên độc lập HĐQT
  + Ông Nguyễn Trung Thành, Thành viên HĐQT
  + Ông Mai Danh Hiền, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
  + Ông Ngô Thế Thảo, Trưởng phòng Quản lý rủi ro và Tái thẩm định

❖ **Ủy ban Chiến lược (UBCL):** Ủy ban Chiến lược được thành lập tháng 9/2023 với nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT về việc xây dựng định hướng, hoạch định mục tiêu chiến lược của Công ty, theo dõi, giám sát thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện, thúc đẩy việc thực hiện. Kể từ thời điểm được thành lập, Ủy ban Chiến lược đã tham mưu cho HĐQT về việc xác định, lựa chọn chiến lược phát triển Công ty theo hướng tích hợp các yếu tố bền vững vào hoạt động kinh doanh của Công ty, để trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ đại hội năm 2024.

Thành viên Ủy ban chiến lược:

- Chủ tịch UBCL: Ông Lê Mạnh Linh, Thành viên HĐQT
- Các thành viên UBCL:
  + Ông Phạm Trung Kiên, Chủ tịch HĐQT
  + Ông Mai Danh Hiền, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
  + Ông Nguyễn Văn Hải, Thành viên độc lập HĐQT

5.1.3. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị giám sát hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc/Ban Điều hành thông qua quy định phân cấp và các quy định nội bộ Công ty ban hành. Đối với các hoạt động thuộc thẩm quyền của HĐQT, Tổng Giám đốc báo cáo và trình HĐQT xem xét, quyết định, chỉ đạo hoạt động của Công ty kịp thời.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị thực hiện tuân thủ chặt chẽ các quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty.

Hội đồng Quản trị đặc biệt chú trọng đến chiến lược phát triển và hoạt động quản trị rủi ro của Công ty. Trước những diễn biến khó lường của kinh tế thế giới, tạo áp lực lớn đối với nền kinh tế Việt Nam, ảnh hưởng nhất định tới hoạt động của thị trường tài chính, Hội đồng Quản trị EVNFinance đã đưa ra các định hướng phát triển, ứng phó phù hợp với diễn biến thị trường, xác định và giao nhiệm vụ cho Ban Điều hành tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh theo định hướng chiến lược đã được phê duyệt.

Hội đồng Quản trị tổ chức họp định kỳ hàng quý và các kỳ họp bất thường để đảm bảo xử lý kịp thời các công việc. Trong năm, HĐQT đã tổ chức 15 phiên họp chính thức, trực tiếp giải quyết, quyết định các nội dung liên quan đến hoạt động quản trị điều hành, kinh doanh của Công ty. Tỷ lệ tham dự các phiên họp trong năm 2023 của các thành viên HĐQT là 99%. HĐQT cũng tổ chức các phiên làm việc không chính thức tại văn phòng Công ty hàng tuần, trao đổi, thảo luận nội bộ nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh cũng như các vấn đề liên quan cần thiết đối với hoạt động của Công ty.

Trong năm, Hội đồng Quản trị đã ban hành 95 Nghị quyết, 51 Quyết định và các thông báo nhằm chỉ đạo các hoạt động của Công ty. Hội đồng Quản trị đã giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban Điều hành thông qua các hoạt động tổ chức chỉ đạo, rà soát, củng cố đảm bảo hệ thống quy định nội bộ hiện hành (quy chế, quy định, quy trình) được kịp thời cập nhật, hoàn thiện phù hợp các quy định của pháp luật và chiến lược phát triển của Công ty. Trong năm, HĐQT đã ban hành sửa đổi các bộ quy định nhằm đảm bảo, tăng cường tính chặt chẽ của hệ thống. Các tài liệu quy định nội bộ đã được ban hành bao gồm: Quy định về Cơ cấu tổ chức của Công ty, Quy chế Chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, Quy chế xếp hạng tín dụng nội bộ, Quy chế phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro (DPRR) và việc sử dụng DPRR để xử lý rủi ro của EVNFinance,...

Hội đồng Quản trị chỉ đạo, giám sát hoạt động công bố thông tin, đảm bảo EVNFinance thực hiện đúng, đủ các quy định pháp luật, giúp cho cổ đông, nhà đầu tư nắm bắt đầy đủ, kịp thời thông tin của EVNFinance.

Để phù hợp với xu thế về phát triển bền vững của thế giới cũng như định hướng của Việt Nam, trong năm 2023, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo, định hướng tích hợp mục tiêu ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị) vào chiến lược phát triển, định hướng cho EVNFinance từng bước tiếp cận và triển khai theo những chuẩn mực mới về phát triển bền vững, qua đó tiếp tục khẳng định cam kết trách nhiệm và sự tận tâm của EVNFinance đối với môi trường, cộng đồng và xã hội.

Trong năm 2023, theo thực tế diễn biến nhân sự quản lý của Công ty, để đảm bảo điều kiện hoạt động quản trị tuân thủ quy định của pháp luật, thông lệ tiên tiến và nhu cầu thực tế, Hội đồng Quản trị đã bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty vào tháng

3 và tháng 8 năm 2023, phân công nhiệm vụ cụ thể đối với Người phụ trách quản trị Công ty và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

5.1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị

- Thực hiện quyền, nghĩa vụ của Thành viên HĐQT độc lập theo Quy chế/quy định nội bộ của Công ty và theo Quyết định/Phân công của HĐQT/Chủ tịch HĐQT một cách cẩn trọng, trung thực, khách quan góp phần thành công trong kết quả kinh doanh năm 2023 của Công ty.
- Tham gia các cuộc họp HĐQT và đã đưa ra các ý kiến đối với các vấn đề được thông qua tại cuộc họp và các vấn đề được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo vai trò, vị trí đảm nhiệm được phân công, hỗ trợ HĐQT một cách kịp thời, hiệu quả.

Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập đối với hoạt động của HĐQT, các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị và các hoạt động khác trong năm 2023:

➢ **Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT**

- Ngay sau Đại hội cổ đông thường niên, HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 đã tổ chức họp phiên đầu tiên để bầu chức danh Chủ tịch HĐQT. Đồng thời, trên cơ sở kinh nghiệm của các Thành viên HĐQT, HĐQT đã thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT nhằm khai thác tốt nhất các thế mạnh của thành viên HĐQT và xây dựng kế hoạch hoạt động cũng như chương trình họp định kỳ của HĐQT trong năm 2023 làm cơ sở triển khai công việc.
- Trên cơ sở phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị đã thực hiện ban hành và công bố thông tin các tài liệu gồm:
  (1) Điều lệ Tổ chức và hoạt động;
  (2) Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT;
  (3) Quy chế Quản trị nội bộ.
- Các hoạt động của HĐQT đã được thực hiện đúng theo kế hoạch đưa ra. Các thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm cao, thận trọng trong việc thực hiện vai trò, trách nhiệm của mình.
- Kể từ khi được bầu vào nhiệm kỳ 2023 – 2028 từ ngày 17/3/2023, Hội đồng Quản trị đã tổ chức mười ba (13) cuộc họp trực tiếp tại trụ sở Công ty. Các thành viên HĐQT đều tham gia vào các buổi họp của HĐQT, nghiêm túc nghiên cứu về hoạt động hoạch định chính sách, chiến lược, khẩu vị rủi ro, kế hoạch kinh doanh, hoạt động quản trị; Giám sát hoạt động của Ban Điều hành, giám sát chỉ đạo thực hiện các nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết của Đại hội đồng

cổ đông, đảm bảo tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế Quản trị nội bộ và các quy định nội bộ khác cũng như tuân thủ các quy định pháp luật.

- Các cuộc họp đều có sự tham gia của Ban Kiểm soát, được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, cung cấp tài liệu họp đầy đủ, đảm bảo thời gian theo quy định nội bộ Công ty và quy định pháp luật.
- Các vấn đề liên quan đến xây dựng cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ các đơn vị, kế hoạch kinh doanh, các hoạt động kinh doanh, chi tiết phương án tăng vốn điều lệ, thay đổi nhân sự, chính sách môi trường và xã hội ... đều được HĐQT trao đổi kỹ lưỡng với Ban Tổng Giám đốc, thảo luận và đánh giá đầy đủ để đưa ra những quyết định phù hợp nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty.
- Bên cạnh các cuộc họp HĐQT với đầy đủ thành phần theo quy định, các Thành viên HĐQT không điều hành (không có sự tham gia của Thành viên HĐQT kiêm TGĐ) cũng có các buổi thảo luận, trao đổi về một số nội dung như: Tham khảo bộ máy giúp việc tại các tổ chức tín dụng khác; Về hệ thống cấp bậc, chức danh trong Công ty; Xu hướng ESG của thị trường ... để có góc nhìn đa chiều, từ đó có những đánh giá khách quan đến các hoạt động của Công ty.
- Trong năm 2023, HĐQT (bao gồm cả HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023) đã ban hành 95 nghị quyết và 51 quyết định về các mặt hoạt động của Công ty.
- Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp, năm 2023, các thành viên HĐQT tham gia các hoạt động gắn kết với cán bộ nhân viên EVNFinance do Ban Điều hành và Công đoàn phát động với mục tiêu, lấy con người EVNFinance là trung tâm của phát triển bền vững.

➢ **Đánh giá về hoạt động của các ủy ban do HĐQT thành lập:**

- Các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị theo quy định pháp luật gồm Ủy ban nhân sự và Ủy ban Quản lý rủi ro, được duy trì hoạt động theo lịch họp định kì hoặc đột xuất nhằm tham vấn cho Hội đồng Quản trị tăng cường hiệu quả hoạt động, kịp thời đưa ra các quyết định liên quan đến chính sách nhân sự, chính sách quản lý rủi ro của Công ty.
- Trong tháng 9/2023, HĐQT đã quyết định thành lập Uỷ ban Chiến lược với nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT về việc xây dựng định hướng, xây dựng mục tiêu chiến lược cho Công ty, các giải pháp và chính sách phát triển của Công ty trong từng thời kỳ. Đồng thời, trong tại phiên họp ngày 21/12/2023, HĐQT đã nhận diện tầm quan trọng của phát triển bền vững (ESG) và có chủ trương xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh trong tương lai cần gắn với chiến lược phát triển bền vững của EVNFinance. Giao Ủy ban Chiến lược nghiên cứu và tham mưu cho HĐQT trong kế hoạch triển khai ESG tại EVNFinance, đồng thời,

Thành viên HĐQT tham gia Ủy ban Chiến lược sẽ là người giám sát hoạt động thực hiện ESG của Ban Điều hành.

➢ **Đánh giá công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành**

- HĐQT giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc thông qua các hoạt động tổ chức chỉ đạo hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình, trong đó, với chủ trương là HĐQT ban hành các Quy chế tạo hành lang pháp lý cơ bản tuân thủ quy định pháp luật, hợp nhất nhiều quy chế kinh doanh riêng rẽ thành quy chế hoạt độ ng kinh doanh tổng hợp phù hợp với từng mảng nghiệp vụ, từ đó, Tổng Giám đốc chủ động xây dựng các quy trình tác nghiệp phù hợp để vận hành hệ thống.
- HĐQT tăng cường chức năng giám sát đối với hoạt động của Ban Điều hành thông qua các chương trình, kế hoạch kinh doanh định kỳ tháng, quý, năm và giám sát đối với tình hình thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, giám sát thực hiện các kiến nghị của HĐQT.
- HĐQT cũng tương tác với Người phụ trách quản trị của Công ty và một số đơn vị trong Công ty để nắm rõ hơn về tình hình hoạt động của Công ty.
- Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị đã có những đánh giá khách quan về hệ thống văn bản quy định nội bộ của Công ty, đưa ra định hướng công tác xây dựng hệ thống văn bản quy định nội bộ, đồng thời, có ý kiến với Tổng Giám đốc để tối ưu hơn nữa việc xây dựng mô hình tra cứu văn bản nội bộ của Công ty.
- Các Thành viên độc lập HĐQT (thuộc Ủy ban Quản lý rủi ro) đã chủ động hỗ trợ Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong lĩnh vực quản trị rủi ro, nhằm giúp nhận diện sớm các vấn đề rủi ro có thể xảy ra và duy trì tính ổn định, bền vững cho các hoạt động của Công ty.
- Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị đã thực hiện giám sát Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành trong việc thực hiện việc công bố thông tin, đặc biệt là các giao dịch liên quan đến sở hữu cổ phiếu EVF, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.
- Về ngôn ngữ trong công bố thông tin, hiện nay, nhiều doanh nghiệp niêm yết đều thực hiện việc công bố thông tin bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh để cung cấp cho các nhà đầu tư nước ngoài. Do đó, Ban Điều hành đã nghiên cứu việc triển khai công bố thông tin bằng Tiếng Anh, trước mắt, tập trung vào các tài liệu như: Tài liệu họp đại hội đồng cổ đông thường niên, Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính và Báo cáo phát triển bền vững.

➢ **Đánh giá về giao dịch liên quan đến người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của EVNFinance**

- Trong năm 2023, HĐQT đã phê duyệt các giao dịch với Người có liên quan của người nội bộ EVNFinance (ông Lê Mạnh Linh, ông Nguyễn Trung Thành và ông Lê Hoài Nam), liên quan đến hoạt động EVNFinance nhận tiền gửi, phát hành chứng chỉ tiền gửi, hoạt động cho vay và hoạt động mua bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ nhân viên EVNFinance.
- Các hoạt động này đều được Công ty thực hiện công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn, đúng thẩm quyền phê duyệt và đúng hạn mức giao dịch theo quy định nội bộ và quy định pháp luật.

5.1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Ngay từ đầu năm, Hội đồng Quản trị đã xác định và bám sát mục tiêu, xây dựng kế hoạch đào tạo trong hoạt động quản trị Công ty. Trong năm, tất cả các thành viên HĐQT đã tham gia các chương trình đào tạo hữu ích, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động. Cụ thể như sau:

STT	Khóa đào tạo đã tham gia	Thời gian đào tạo	Đối tượng tham gia
1	Tọa đàm "Thực trạng và giải pháp phát triển lành mạnh thị trường tài chính tiêu dùng tại Việt Nam"	Tháng 4/2023	Các thành viên Hội đồng Quản trị
2	Đào tạo về Quản trị Doanh nghiệp cấp cao (Corporate Governance - CG) (do EVNFinance mời VIOD tổ chức đạo tạo riêng)	Tháng 6/2023	Các thành viên Hội đồng Quản trị
3	Directors Talk #10: Văn hóa Quản trị công ty	Tháng 7/2023	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
4	Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng Quản trị – DCP19	Tháng 7/2023	Các thành viên Hội đồng Quản trị
5	Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng Quản trị – DCP22	Tháng 10/2023	Thành viên Hội đồng Quản trị
6	Diễn đàn thường niên lần thứ 6: "Khơi nguồn tài chính xanh và quản trị xanh"	Tháng 12/2023	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, TV HĐQT

Bên cạnh đó, Người phụ trách quản trị Công ty và các nhân sự trong các bộ phận hỗ trợ đã được HĐQT cử tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu như "Văn hóa quản trị Công ty", "Nâng cao về thư ký quản trị Công ty",... nhằm hỗ trợ thực hành tốt vai trò, trách nhiệm của mình.

5.2. Ban Kiểm soát

5.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Từ ngày 01/01/2023 đến 16/03/2023, Ban Kiểm soát có 4 thành viên. Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCD -TCĐL ngày 17/03/2023 do Đại hội đồng cổ đông thông qua thì Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 có 3 thành viên. Số lượng thành viên Ban kiểm soát tại thời điểm 31/12/2023 là 03 thành viên.

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu là thành viên Ban Kiểm soát
1	Ông Lê Long Giang	Trưởng Ban Kiểm soát	17/03/2023
2	Bà Lê Khánh Ngọc	TV Ban Kiểm soát	17/03/2023
3	Ông Nghiêm Khắc Dạt	TV Ban Kiểm soát	17/03/2023

5.2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát trên cơ sở phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ -TCĐL ngày 17/03/2023.
- Giám sát việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2023 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2023; giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị.
- Giám sát các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty như huy động vốn, tín dụng, đầu tư, vv.
- Giám sát Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán các hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác theo Kế hoạch Kiểm toán nội bộ 2023 được Ban Kiểm soát phê duyệt; yêu cầu Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện các cuộc kiểm toán đột xuất phát sinh trong năm.
- Thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2023 trên cơ sở Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty.
- Theo dõi, cập nhật danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan đến thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành.
- Năm 2023, Ban Kiểm soát tổ chức 11 phiên họp Ban Kiểm soát; tham gia các buổi họp HĐQT, các cuộc họp triển khai kế hoạch kinh doanh hàng quý và một số cuộc họp khác của Công ty.

5.3. Các giao dịch, lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác

5.3.1. Lương, thù lao, phụ cấp của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

➢ Thu nhập của Hội đồng quản trị

Đơn vị tính: Triệu đồng

Họ và tên	Số tiền	Ghi chú
Ông Hoàng Văn Ninh	229	Miễn nhiệm từ ngày 17/3/2023
Bà Cao Thị Thu Hà	138	Miễn nhiệm từ ngày 17/3/2023
Bà Nguyễn Thúy Trang	89	Miễn nhiệm từ ngày 17/3/2023
Ông Phạm Trung Kiên	1.223	
Ông Lê Mạnh Linh	468	
Ông Nguyễn Trung Thành	378	
Ông Lê Hoài Nam	378	
Ông Nguyễn Văn Hải	378	

➢ Thu nhập của Ban Kiểm soát

Đơn vị tính: Triệu đồng

Họ và tên	Số tiền	Ghi chú
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	166	Miễn nhiệm từ ngày 17/3/2023
Bà Đỗ Thị Hà	115	Miễn nhiệm từ ngày 17/3/2023
Ông Nguyễn Xuân Điệp	51	Miễn nhiệm từ ngày 17/3/2023
Ông Lê Long Giang	806	
Bà Lê Khánh Ngọc	520	
Ông Nghiêm Khắc Đạt	284	

➢ Thu nhập của Tổng giám đốc và người quản lý khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

Họ và tên	Số tiền	Ghi chú
Ông Nguyễn Hoàng Hải	970	Miễn nhiệm từ ngày 18/05/2023
Ông Mai Danh Hiền	1.925	
Ông Lê Anh Tuấn	1.423	
Ông Hoàng Thế Hưng	1.598	
Ông Đào Lê Huy	1.463	
Ông Lâm Nguyễn Thiện Nhơn	1.236	
Bà Tôn Thị Hải Yến	1.133	
Ông Mai Xuân Đông	709	
Ông Tống Nhật Linh	979	
Ông Hoàng Nhật Nam	356	

5.3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Trong năm 2023, Công ty phát sinh số lượt và khối lượng giao dịch cổ phiếu EVF của cổ đông là người nội bộ như sau:

Giao dịch	Người nội bộ	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch
1. Mua			
Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Mua CP + CP tăng vốn 1:1+ Mua CP ESOP)	Phạm Trung Kiên	3	3.051.785
Thành viên Hội đồng Quản trị (Mua CP + CP tăng vốn 1:1+ Mua CP ESOP)	Lê Mạnh Linh	3	3.058.700
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Mua CP + CP tăng vốn 1:1+ Mua CP ESOP)	Mai Danh Hiền	3	2.729.194
Thành viên Hội đồng Quản trị (Mua CP ESOP)	Nguyễn Trung Thành	1	34.451

Giao dịch	Người nội bộ	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch
Thành viên Hội đồng Quản trị (Mua CP ESOP)	Lê Hoài Nam	1	34.451
Thành viên Hội đồng Quản trị (Mua CP ESOP)	Nguyễn Văn Hải	1	34.451
Trưởng Ban Kiểm soát (Mua CP ESOP)	Lê Long Giang	1	33.300
Thành viên Ban Kiểm soát (Mua CP ESOP)	Nghiêm Khắc Đạt	1	27.561
Thành viên Ban Kiểm soát (Mua CP ESOP)	Lê Khánh Ngọc	1	68.903
Phó Tổng Giám đốc (Mua CP tăng vốn 1:1+ Mua CP ESOP)	Tôn Thị Hải Yến	2	567.489
Phó Tổng Giám đốc (Mua CP ESOP)	Đào Lê Huy	1	80.000
Phó Tổng Giám đốc (Mua CP ESOP)	Hoàng Thế Hưng	1	51.677
Phó Tổng giám đốc (Mua CP ESOP)	Lâm Nguyễn Thiện Nhơn	1	51.677
Phó Tổng giám đốc (Mua CP ESOP)	Lê Anh Tuấn	1	86.129
Kế toán trưởng (Mua CP ESOP)	Tống Nhật Linh	1	41.342
Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng (Mua CP ESOP)	Mai Xuân Đông	1	20.000
Giám đốc chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (Mua CP ESOP)	Hoàng Nhật Nam	1	41.000
2. Bán		0	
Tổng			**10.012.110**

Trong năm 2023, Công ty phát sinh số lượt và khối lượng giao dịch cổ phiếu EVF của cổ đông là người có liên quan của người nội bộ như sau:

Giao dịch	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch
1. Mua	3	
1.Người có liên quan của TV HĐQT Lê Mạnh Linh	3	3.731.010
1.1 Nguyễn Thụy Minh Trúc (vợ TV HĐQT)	1	30.350
1.2 Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Amber (Ông Lê Mạnh Linh là Chủ tịch HĐQT Công ty)	2	3.700.660

Giao dịch	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch
2. Bán	1	
1.Người có liên quan của TV HĐQT Lê Mạnh Linh	1	30.350
1.1 Nguyễn Thụy Minh Trúc (vợ TV HĐQT)	1	30.350

Các giao dịch được công bố thông tin đầy đủ theo Quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5.3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Thông tin được cập nhật tại Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán và Báo cáo quản trị năm 2023.

5.3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty khẳng định luôn tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về quản trị công ty gồm Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

6.1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo Kiểm toán độc lập của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam gửi cổ đông Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 ký ngày 07/02/2024.

6.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán đính kèm.

Báo cáo thường niên đã được Hội đồng Quản trị Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực thông qua ngày 07/03/2024.

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0102806364 - C.T.C.P - CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

MAI DANH HIỂN

Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Building a better working world

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 3
Báo cáo của Ban Điều hành	4
Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính	5 - 6
Báo cáo tình hình tài chính	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 61

Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (gọi tắt là "Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy phép hoạt động số 187/GP-NHNN ngày 07 tháng 07 năm 2008 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 1712/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 10 năm 2022. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102806367 ngày 08 tháng 7 năm 2008 và được sửa đổi lần thứ mười tám ngày 26 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 7.042.482.890.000 VND.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Huy động vốn dưới các hình thức nhận tiền gửi, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu; vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước;
- Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp và cho vay tiêu dùng; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác; và
- Các hoạt động khác trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng bao gồm mở và quản lý tài khoản tiền gửi, tiền vay cho khách hàng; góp vốn mua cổ phần; đại lý kinh doanh bảo hiểm; cung ứng dịch vụ tư vấn; cung ứng dịch vụ quản lý và bảo quản tài sản; mua bán trái phiếu Chính phủ; kinh doanh ngoại hối.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 03 năm 2023
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2021 Miễn nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Ông Lê Mạnh Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 06 năm 2020 Bổ nhiệm lại ngày 17 tháng 03 năm 2023
Ông Mai Danh Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Ông Lê Hoài Nam	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Ông Hoàng Văn Ninh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 05 năm 2012 Miễn nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2020 Miễn nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Bà Cao Thị Thu Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Bà Nguyễn Thúy Trang	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát của Công ty trong trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Long Giang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 03 năm 2023
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2021
Bà Lê Khánh Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Ông Nghiêm Khắc Đạt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Bà Đỗ Thị Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Ông Nguyễn Xuân Điệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023

BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Mai Danh Hiền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 07 năm 2023
	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 05 năm 2023
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2021 Miễn nhiệm ngày 18 tháng 05 năm 2023
Ông Đào Lê Huy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2020
Ông Hoàng Thế Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2020
Ông Lê Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 09 năm 2015
Bà Tôn Thị Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2023
Ông Lâm Nguyễn Thiện Nhơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2023 Miễn nhiệm Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh ngày 15 tháng 07 năm 2023
Ông Hoàng Nhật Nam	Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 07 năm 2023
Ông Mai Xuân Đông	Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2012
Ông Tống Nhật Linh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2021
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2020 Miễn nhiệm ngày 18 tháng 05 năm 2023

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức danh*	*Giai đoạn*
Ông Mai Danh Hiền	Tổng Giám đốc	Từ ngày 06 tháng 07 năm 2023 đến ngày lập báo cáo này
Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Từ ngày 18 tháng 05 năm 2023 đến hết ngày 05 tháng 07 năm 2023
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 05 năm 2023)	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến hết ngày 17 tháng 05 năm 2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Mai Danh Hiền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 07 tháng 02 năm 2024

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5090
ey.com

Building a better working world

Số tham chiếu: 12772428/E-66981991

BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực ("Công ty") được lập ngày 07 tháng 02 năm 2024 và được trình bày từ trang 7 đến trang 61, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đặng Phương Hà	Hoàng Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1	Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 07 tháng 02 năm 2024

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Thuyết minh	*31/12/2023 triệu đồng*	*31/12/2022 triệu đồng*
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	**5**	**1.546**	**2.633**
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	**6**	**1.304.924**	**1.178.325**
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	**7**	**9.956.408**	**9.883.853**
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	7.1	9.035.288	9.883.853
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	7.2	921.120	-
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	**8**	**116.840**	**-**
Cho vay khách hàng		**33.092.777**	**23.956.552**
Cho vay khách hàng	9	33.553.388	24.352.548
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(460.611)	(395.996)
Chứng khoán đầu tư	**11**	**1.560.097**	**2.005.084**
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.1	1.664.741	2.061.694
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	11.2	(104.644)	(56.610)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	**997.591**	**450.432**
Đầu tư dài hạn khác		1.006.177	454.206
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(8.586)	(3.774)
Tài sản cố định	**13**	**75.862**	**81.882**
Tài sản cố định hữu hình	*13.1*	*28.468*	*30.426*
Nguyên giá tài sản cố định		108.382	106.377
Khấu hao tài sản cố định		(79.914)	(75.951)
Tài sản cố định vô hình	*13.2*	*47.394*	*51.456*
Nguyên giá tài sản cố định		96.377	92.421
Hao mòn tài sản cố định		(48.983)	(40.965)
Tài sản Có khác	**14**	**2.115.086**	**4.639.160**
Các khoản phải thu	14.1	545.571	3.716.004
Các khoản lãi, phí phải thu	14.2	1.683.350	971.182
Tài sản Có khác	14.3	76.863	139.900
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	14.4	(190.698)	(187.926)
TỔNG TÀI SẢN		**49.221.131**	**42.197.921**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Thuyết minh	*31/12/2023 triệu đồng*	*31/12/2022 triệu đồng*
NỢ PHẢI TRẢ			
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	**15**	**10.911.760**	**15.062.889**
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		4.600.000	8.768.600
Vay các tổ chức tín dụng khác		6.311.760	6.294.289
Tiền gửi của khách hàng	**16**	**3.001.537**	**4.136.332**
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	**8**	**-**	**13.371**
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	**17**	**8.016.400**	**7.421.333**
Phát hành giấy tờ có giá	**18**	**17.421.000**	**10.254.000**
Các khoản nợ khác	**19**	**1.414.216**	**974.916**
Các khoản lãi, phí phải trả	19.1	1.210.461	717.752
Các khoản phải trả và công nợ khác	19.2	203.755	257.164
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**40.764.913**	**37.862.841**
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn của Tổ chức tín dụng		**7.395.373**	**3.512.968**
Vốn điều lệ		7.042.483	3.510.640
Thặng dư vốn cổ phần		350.562	-
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định		2.328	2.328
Quỹ của Tổ chức tín dụng		**430.883**	**454.834**
Lợi nhuận chưa phân phối		**629.962**	**367.278**
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	**21**	**8.456.218**	**4.335.080**
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**49.221.131**	**42.197.921**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Thuyết minh	*31/12/2023 triệu đồng*	*31/12/2022 triệu đồng*
Bảo lãnh khác	34.1	33.511	927.524
Các khoản mục ngoại bảng khác		2.502.425	2.230.349
- *Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được*	*34.2*	*252.117*	*284.195*
- *Nợ khó đòi đã xử lý*	*34.3*	*2.250.308*	*1.946.154*
Tài sản và chứng từ khác	34.4	6.037.660	920.917
		8.573.596	**4.078.790**

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Nguyễn Thị Trang	Ông Tống Nhật Linh Kế toán trưởng	Ông Mai Danh Hiền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 07 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Thuyết minh	*2023 triệu đồng*	*2022 triệu đồng*
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	22	3.993.619	2.666.756
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	(3.284.594)	(1.747.554)
Thu nhập lãi thuần		**709.025**	**919.202**
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		53.319	130.443
Chi phí hoạt động dịch vụ		(50.096)	(114.354)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	**24**	**3.223**	**16.089**
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**25**	**(86.500)**	**(38.740)**
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	**26**	**315.721**	**(78.518)**
Thu nhập từ hoạt động khác		50.424	294.918
Chi phí hoạt động khác		(465)	(71.484)
Lãi thuần từ hoạt động khác	**28**	**49.959**	**223.434**
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	**27**	**102.255**	**102.599**
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		**1.093.683**	**1.144.066**
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	**29**	**(297.004)**	**(327.238)**
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		**796.679**	**816.828**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	30	(387.372)	(361.482)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		**409.307**	**455.346**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	(80.928)	(89.559)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		**(80.928)**	**(89.559)**
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		**328.379**	**365.787**
LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (ĐỒNG/CỔ PHIẾU)	**21.3**	**849**	**1.011**

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Nguyễn Thị Trang	Ông Tống Nhật Linh Kế toán trưởng	Ông Mai Danh Hiền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 07 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Thuyết minh	*2023 triệu đồng*	*2022 triệu đồng*
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		3.265.191	2.256.675
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(2.791.885)	(1.457.389)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		19.483	20.875
Chênh lệch số tiền thực thu/(thực chi) từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, ngoại tệ		277.255	(96.462)
Thu nhập/(chi phí) khác		42.815	(37.410)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	28	7.144	260.844
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(241.750)	(318.647)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	20	(79.585)	(71.047)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		**498.668**	**557.439**
Những thay đổi về tài sản hoạt động		***(6.053.784)***	***(4.762.870)***
Giảm các khoản tiền gửi và cho vay TCTD khác		-	2.904.450
Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		396.953	1.590.176
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các TSTC khác		(116.840)	-
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(9.200.840)	(7.502.594)
Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản	10,11	(370.421)	(186.248)
Giảm/(Tăng) khác về tài sản hoạt động		3.237.364	(1.568.654)
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động		***2.332.651***	***9.145.769***
(Giảm)/Tăng các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng		(4.151.129)	3.595.660
Giảm tiền gửi của khách hàng		(1.134.795)	(401.635)
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		7.167.000	4.194.000
Tăng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		595.067	1.720.112
(Giảm)/Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(13.371)	13.371
(Giảm)/Tăng khác về công nợ hoạt động		(40.162)	32.170
Chi từ các quỹ của TCTD		(89.959)	(7.909)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		**(3.222.465)**	**4.940.338**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(9.855)	(6.677)
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(858.971)	(13.733)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		403.000	641.488
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	27	6.255	11.117
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		**(459.571)**	**632.195**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Thuyết minh	*2023 triệu đồng*	*2022 triệu đồng*
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn điều lệ		3.882.405	-
Cổ tức trả cổ đông, lợi nhuận đã chia		(2.302)	(1.653)
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		**3.880.103**	**(1.653)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		**198.067**	**5.570.880**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**31**	**11.064.811**	**5.493.931**
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	**31**	**11.262.878**	**11.064.811**

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Nguyễn Thị Trang	Ông Tống Nhật Linh Kế toán trưởng	Ông Mai Danh Hiển Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 07 tháng 02 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (gọi tắt là "Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy phép hoạt động số 187/GP-NHNN ngày 07 tháng 07 năm 2008 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 1712/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 10 năm 2022. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102806367 ngày 08 tháng 7 năm 2008 và được sửa đổi lần thứ mười tám ngày 26 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 7.042.482.890.000 VND.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Huy động vốn dưới các hình thức nhận tiền gửi, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu; vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước;
- Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp và cho vay tiêu dùng; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác; và
- Các hoạt động khác trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng bao gồm mở và quản lý tài khoản tiền gửi, tiền vay cho khách hàng; góp vốn mua cổ phần; đại lý kinh doanh bảo hiểm; cung ứng dịch vụ tư vấn; cung ứng dịch vụ quản lý và bảo quản tài sản, mua bán trái phiếu Chính phủ; kinh doanh ngoại hối.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 7.042.482.890.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3.510.640.310.000 đồng).

Mạng lưới hoạt động

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tầng 14, 15 và 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, Quận Ba Đình, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một (01) Hội sở chính và hai (02) chi nhánh tại Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 314 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 455 người).

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. *Năm tài chính*

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2. *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính của Công ty là đồng Việt Nam ("VND"). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu VND" hoặc "triệu đồng"). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến việc nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. *Tuyên bố tuân thủ*

Ban Điều hành Công ty khẳng định báo cáo tài chính đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2. *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng triệu đồng Việt Nam ("triệu VND" hoặc "triệu đồng") và được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 về việc ban hành hệ thống tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng và các quy định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 về ban hành chế độ báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng và các quy định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN; Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành tại Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung là các khoản mục không có số dư.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3. Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành Công ty phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, trừ thay đổi sau:

Thông tư số 18/2022/TT-NHNN quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, NHNN ban hành Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ("Thông tư 18") sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Các thay đổi của Thông tư 18 liên quan đến chính sách kế toán như sau:

- Bổ sung định nghĩa Giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được mua bán;
- Bổ sung quy định về thời hạn thanh toán số tiền mua, bán nợ của bên mua nợ cho bên bán nợ;
- Bổ sung quy định về tài sản đảm bảo đối với số tiền mà bên mua nợ chưa thanh toán đủ cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ;
- Bổ sung quy định về quản lý, theo dõi, phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với phần nợ chưa bán trong trường hợp bán một phần khoản nợ hoặc bán một khoản nợ cho nhiều bên mua nợ;
- Bổ sung quy định chi tiết về xử lý tài chính, hạch toán kế toán đối với khoản nợ đã mua, bán.

Thông tư 18 có hiệu lực thi hành từ ngày 9 tháng 2 năm 2023 với điều kiện chuyển tiếp: Các hợp đồng mua, bán nợ được xác lập trước ngày Thông tư 18 có hiệu lực, bên mua nợ, bên bán nợ và các bên có liên quan được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký và các quy định của Thông tư 09. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng mua, bán nợ, việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua, bán nợ phải phù hợp với quy định tại Thông tư 18.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các TCTD khác có thời gian đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày gửi có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 11"). Theo đó, Công ty trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp được trình bày tại *Thuyết minh số 4.5.*

Theo Thông tư 11, Công ty không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

4.4. Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày thành một dòng riêng trên báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới hoặc bằng một (01) năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay trên một (01) năm đến năm (05) năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên năm (05) năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 11 và được trình bày ở *Thuyết minh số 4.5.*

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5. Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác và cho vay khách hàng

Công ty áp dụng phương pháp định lượng quy định tại Điều 10 Thông tư 11 trong việc phân loại nợ đối với các tài sản có sau: các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác; mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm trái phiếu do các TCTD khác phát hành) chưa niêm yết; cho vay khách hàng; ủy thác cấp tín dụng; mua, bán nợ theo quy định; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành (gọi chung là "các khoản nợ").

Việc phân loại nợ đối với các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và các khoản phải thu chịu rủi ro tín dụng khác (gọi chung là "các khoản nợ") được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 11.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp, việc phân loại nợ sẽ được tham khảo đến một số yếu tố định tính (nếu có). Cụ thể, Công ty phân loại nợ vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn trong các trường hợp sau khi đã thực hiện các biện pháp thu hồi nợ từ khách hàng như gọi điện thoại, gửi tin nhắn bằng văn bản, gửi thư nhắc nhở và đến nơi cư trú của khách hàng:

- Khách hàng có khó khăn về tài chính như thất nghiệp hoặc các biến cố không mong muốn (tai nạn cá nhân hoặc bệnh tật,...) dẫn đến việc chậm thanh toán;
- Khách hàng không thể liên lạc được;
- Khách hàng đã bán nhà hoặc bỏ trốn sau khi giải ngân khoản vay;
- Khách hàng đã mất hoặc đang ngồi tù, người thân của khách hàng không trả nợ thay;
- Khả năng trả nợ của khách hàng liên tục suy giảm sau khi Công ty đánh giá lại.

Các khoản nợ được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, nợ cần chú ý, nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ và nợ có khả năng mất vốn theo quy định tại Thông tư 11. Các khoản nợ được phân loại là nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ và nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5. *Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác và cho vay khách hàng* (tiếp theo)

Việc phân loại nợ và tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Phân loại nợ theo phương pháp định lượng	Phân loại nợ theo phương pháp định tính	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn; hoặc (c) Nợ được phân loại vào nhóm 1 theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư 11.	Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được phân loại vào nhóm 2 theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 10 Thông tư 11.	Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi nhưng có dấu hiệu khách hàng suy giảm khả năng trả nợ.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: ▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ được phân loại vào nhóm 3 theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 10 Thông tư 11.	Các khoản nợ được đánh giá là không có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi khi đến hạn, có khả năng tổn thất.	20%

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5. *Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác và cho vay khách hàng* (tiếp theo)

Việc phân loại nợ và tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau: (tiếp theo)

Nhóm nợ		Phân loại nợ theo phương pháp định lượng	Phân loại nợ theo phương pháp định tính	Tỷ lệ dự phòng
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ được phân loại vào nhóm 4 theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 10 Thông tư 11.	Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng tổn thất cao.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ được phân loại vào nhóm 5 theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Thông tư 11.	Các khoản nợ được đánh giá là không còn khả năng thu hồi, mất vốn.	100%

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5. *Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác và cho vay khách hàng* (tiếp theo)

Dự phòng cụ thể

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12. Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Thông tư 11.

Ngoài ra, Công ty trích lập dự phòng cụ thể đối với Khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi theo quy định tại Thông tư 03 (nếu có) như sau:

- Xác định số tiền dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 11: (A)
- Xác định số tiền dự phòng cụ thể đối với phần dư nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 11 và đối với phần dư nợ còn lại của khách hàng theo Thông tư 11: (B)
- Dự phòng cụ thể trích bổ sung (C) bằng chênh lệch (A) – (B) được thực hiện trích bổ sung như sau:
  - Đến thời điểm 31/12/2021: Tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
  - Đến thời điểm 31/12/2022: Tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
  - Đến thời điểm 31/12/2023: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Dự phòng chung

Theo Thông tư 11, Công ty thực hiện trích lập dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 31 tháng 12 của các khoản nợ ngoại trừ các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác; khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng; các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn; các khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu; chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành trong nước; các khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Thông tư 11, Công ty thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là tổ chức bị giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Hoạt động bán nợ

Theo Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ("Thông tư 18") ngày 26 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các khoản nợ đã bán được xử lý tài chính, hạch toán kế toán như sau:

a. Đối với khoản nợ có nợ gốc đang hạch toán nội bảng:

- Việc xử lý thu hồi nợ được thực hiện theo nguyên tắc: thu hồi nợ gốc trước, nợ lãi sau;
- Trường hợp giá bán nợ cao hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được bán, sau khi thu hồi số nợ gốc, nợ lãi của khoản nợ đã bán, phần chênh lệch (nếu có) giữa giá bán nợ và giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được bán, Công ty ghi nhận vào thu nhập;
- Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được bán, ngoài số tiền thu được từ bán nợ, Công ty sử dụng tiền bồi thường (trong trường hợp bị tổn thất về tài sản do nguyên nhân chủ quan và phải bồi thường theo quy định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), tiền bảo hiểm (nếu có) để thu hồi nợ. Sau khi sử dụng hết số tiền thu được từ bán nợ, tiền bồi thường, tiền bảo hiểm nêu trên để thu hồi nợ mà vẫn thiếu, Công ty thực hiện như sau:
  - Đối với số nợ gốc không thu được: Công ty sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí, trường hợp thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Công ty. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong năm. Sau khi hoàn thành việc xử lý tài chính nêu trên, Công ty thực hiện xuất toán đối với số nợ gốc không thu được;
  - Đối với số nợ lãi không thu được: Trường hợp, số nợ lãi đang được ghi nhận nội bảng đã hạch toán vào thu nhập, Công ty thực hiện hạch toán giảm thu nhập hoặc hạch toán vào chi phí theo quy định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp, số nợ lãi đang được ghi nhận ngoại bảng, Công ty thực hiện xuất toán số nợ lãi của khoản nợ đã bán.

b. Đối với khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng:

Công ty thực hiện xuất toán khoản nợ đã bán khỏi ngoại bảng và ghi nhận số tiền bán nợ (theo giá bán nợ) vào thu nhập.

c. Đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng:

Số tiền bán nợ được ghi nhận vào thu nhập của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7. Các khoản đầu tư

4.7.1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Công ty nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ tiếp theo, các chứng khoán nợ này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Công ty theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Chứng khoán sẵn sàng để bán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư"*.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết, Công ty tiến hành trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Thông tư 11 như được trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*.

4.7.2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Công ty mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Công ty có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7. Các khoản đầu tư (tiếp theo)

4.7.2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ tiếp theo, các chứng khoán nợ này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Công ty theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 11/2021 như được trình bày tại *Thuyết minh số 4.5.*

Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".*

4.7.3. Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác mà Công ty có từ 11% quyền biểu quyết trở xuống. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn khác được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này bị thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của Công ty tại tổ chức kinh tế theo quy định tại Thông tư 48.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

4.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.10. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 25 năm
Phần mềm máy vi tính	03 - 08 năm
Tài sản cố định vô hình khác	02 - 20 năm

4.11. Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục *"Chi phí hoạt động khác"* trên báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời hạn thuê tài sản.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với các khoản phải thu không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và đã quá hạn thanh toán, Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp ("Thông tư 48") và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07 tháng 04 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48. Theo đó, các tài sản có này được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo thời gian quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất không thu hồi được với các Tài sản có chưa đến hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	*Mức trích dự phòng*
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.13. Chi phí trả trước và chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước đang được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.14. Tiền gửi và đi vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi và đi vay các tổ chức tín dụng khác và tiền gửi của khách hàng được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.15. Các công cụ tài chính phái sinh

Các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ

Đối với các hợp đồng hoán đổi, chênh lệch giữa giá trị theo đồng Việt Nam của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản *"Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác"* nếu dương hoặc khoản mục công nợ *"Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác"* nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục *"Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối"* theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của hợp đồng.

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.17. Vốn và các quỹ dự trữ

Vốn điều lệ của Công ty được ghi nhận khi các quyền và nghĩa vụ của các cổ đông và Công ty liên quan tới vốn điều lệ được xác lập. Vốn điều lệ được ghi nhận theo mệnh giá.

Công ty thực hiện trích lập các quỹ dự trữ theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 7 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài như sau:

Loại quỹ	*Trích lập hàng năm*	*Số dư tối đa*	*Mục đích sử dụng*
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ	Bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định	Bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi xử lý bằng dự phòng đã trích lập trước đó

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

4.18. Ghi nhận thu nhập và chi phí

Thu nhập lãi và chi phí lãi

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 11 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực nhận.

Phí dịch vụ và hoa hồng

Chi phí hoa hồng môi giới bao gồm chi phí cho đại lý, các bên thứ ba và môi giới cho vay được hạch toán phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 9 đến 22 tháng theo thời hạn trung bình mà khoản vay tồn tại trên nội bảng tính theo các nhóm sản phẩm. Các khoản phí dịch vụ được hạch toán trên cơ sở dự thu, dự chi.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 *Ghi nhận thu nhập và chi phí* (tiếp theo)

Doanh thu và chi phí khác

Đối với các khoản doanh thu khác, khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Theo Thông tư số 16/2018/TT-BTC ngày 7 tháng 2 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Công ty hạch toán giảm doanh thu nếu cùng năm tài chính hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác năm tài chính và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Công ty sẽ hạch toán vào *"Thu nhập từ hoạt động khác"* trên báo cáo kết quả hoạt động.

Chi phí khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

4.19. *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.20. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Công ty, tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính (xem *Thuyết minh số 37.3*). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Công ty được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên "*Vốn chủ sở hữu*" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động tại thời điểm cuối năm tài chính.

4.21. Lợi ích của nhân viên

4.21.1. Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho mỗi nhân viên lần lượt bằng 17% và 0,5% lương cơ bản hàng tháng của họ trong thời gian làm việc. Ngoài ra, công ty không có một nghĩa vụ nào khác.

4.21.2. Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.21.3. Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.22. Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Công ty dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.23. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Tiền mặt bằng VND	1.299	2.397
Tiền mặt bằng ngoại tệ	247	236
	1.546	**2.633**

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước		
- *Bằng VND*	*1.304.900*	*1.178.301*
- *Bằng ngoại tệ*	*24*	*24*
	1.304.924	**1.178.325**

Theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc, Công ty phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới dạng dự trữ bắt buộc, được tính bằng 3,00% và 1,00% tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng VND có kỳ hạn dưới 12 tháng và từ 12 tháng trở lên. Tại thời điểm cuối năm, các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND được hưởng lãi suất tương ứng là 0,50%/năm đối với tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND và 0,00%/năm đối với tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc bằng VND.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc.

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	9.035.288	9.883.853
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	921.120	-
	9.956.408	**9.883.853**

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC (tiếp theo)

7.1. *Tiền gửi tại các TCTD khác*

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Tiền gửi không kỳ hạn	**3.840.788**	**1.604.465**
- *Bằng VND*	*3.577.337*	*1.365.714*
- *Bằng ngoại tệ*	*263.451*	*238.751*
Tiền gửi có kỳ hạn	**5.194.500**	**8.279.388**
- *Bằng VND*	*4.903.620*	*7.524.188*
- *Bằng ngoại tệ*	*290.880*	*755.200*
	9.035.288	**9.883.853**

7.2. *Cho vay các TCTD khác*

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Bằng VND	-	-
Bằng ngoại tệ	921.120	-
	921.120	**-**

7.3. *Phân tích chất lượng dư nợ cho vay, tiền gửi tại các TCTD khác*

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Nợ đủ tiêu chuẩn		
- *Tiền gửi tại các TCTD khác*	*5.194.500*	*8.279.388*
- *Cho vay các TCTD khác*	*921.120*	-
	6.115.620	**8.279.388**

8. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN/(KHOẢN NỢ) TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá trên hợp đồng) triệu đồng	*Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày báo cáo)*		*Giá trị thuần triệu đồng*
		Tài sản triệu đồng	*Nợ phải trả triệu đồng*	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ				
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	*39.766.997*	*145.242*	*(28.402)*	*116.840*
	39.766.997	**145.242**	**(28.402)**	**116.840**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ				
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	*8.414.971*	*1.083*	*(14.454)*	*(13.371)*
	8.414.971	**1.083**	**(14.454)**	**(13.371)**

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	30.181.826	20.809.475
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	3.371.562	3.543.073
	33.553.388	**24.352.548**

9.1. Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Nợ đủ tiêu chuẩn	32.846.299	23.532.555
Nợ cần chú ý	271.910	278.155
Nợ dưới tiêu chuẩn	73.027	154.988
Nợ nghi ngờ	167.444	285.703
Nợ có khả năng mất vốn	194.708	101.147
	33.553.388	**24.352.548**

9.2. Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay ban đầu

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Nợ ngắn hạn	13.213.458	6.923.616
Nợ trung hạn	13.943.622	10.684.498
Nợ dài hạn	6.396.308	6.744.434
	33.553.388	**24.352.548**

9.3. Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Công ty TNHH MTV do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	3.177.190	3.157.310
Công ty TNHH khác	19.123.841	12.352.135
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	192.941	462.431
Công ty cổ phần khác	9.187.158	5.891.162
Hộ kinh doanh, cá nhân	1.872.258	2.489.510
	33.553.388	**24.352.548**

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

9.4. *Phân tích dư nợ cho vay theo ngành kinh tế*

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	13.545	167.295
Khai khoáng	235.438	-
Công nghiệp chế biến, chế tạo	429.752	354.157
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	6.293.177	6.093.198
Xây dựng	5.527.488	5.358.778
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	6.806.984	3.303.645
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.994.630	1.707.130
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	2.908.269	192.774
Hoạt động kinh doanh bất động sản	2.610.245	2.985.202
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	2.511.475	431.125
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	139.150	150.000
Hoạt động dịch vụ khác	1.990.381	977.316
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	1.868.127	2.469.251
Ngành khác	224.727	162.677
	33.553.388	**24.352.548**

10. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Công ty thực hiện việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được sử dụng cho việc phân loại nợ và trích lập dự phòng này.

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	*Dự phòng cụ thể triệu đồng*	*Tổng cộng triệu đồng*
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	**181.886**	**214.110**	**395.996**
Trích lập trong năm	68.304	319.068	387.372
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(322.757)	(322.757)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	**250.190**	**210.421**	**460.611**

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	*Dự phòng cụ thể triệu đồng*	*Tổng cộng triệu đồng*
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	**125.667**	**95.095**	**220.762**
Trích lập trong năm	56.219	305.263	361.482
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(186.248)	(186.248)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	**181.886**	**214.110**	**395.996**

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

11.1. *Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán*

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Chứng khoán Nợ	***878.490***	***788.444***
Trái phiếu Chính phủ	202.176	253.453
Chứng khoán Nợ của các TCTD khác trong nước	460.314	263.991
Chứng khoán Nợ của các TCKT trong nước	16.000	271.000
Chứng chỉ tiền gửi	200.000	-
Chứng khoán Vốn	***786.251***	***1.273.250***
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	786.251	1.273.250
	1.664.741	**2.061.694**
Dự phòng rủi ro giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	**(104.644)**	**(56.610)**
Dự phòng cụ thể	-	*(2.226)*
Dự phòng chung	*(120)*	*(2.033)*
Dự phòng rủi ro giảm giá	*(104.524)*	*(52.351)*
	1.560.097	**2.005.084**

11.2. *Tình hình biến động dự phòng các khoản chứng khoán đầu tư*

Biến động dự phòng chứng khoán đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Dự phòng giảm giá triệu đồng	*Dự phòng chung triệu đồng*	*Dự phòng cụ thể triệu đồng*	*Tổng cộng triệu đồng*
Số dư đầu năm	52.351	2.033	2.226	56.610
Số dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong năm	52.173	(1.913)	(2.226)	48.034
Số dư cuối năm	**104.524**	**120**	**-**	**104.644**

Biến động dự phòng chứng khoán đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Dự phòng giảm giá triệu đồng	*Dự phòng chung triệu đồng*	*Dự phòng cụ thể triệu đồng*	*Tổng cộng triệu đồng*
Số dư đầu năm	20.934	14.880	-	35.814
Số dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong năm	31.417	(12.847)	2.226	20.796
Số dư cuối năm	**52.351**	**2.033**	**2.226**	**56.610**

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

11.3. *Phân tích chất lượng chứng khoán nợ của TCTD và TCKT được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng theo Thông tư 11*

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Nợ đủ tiêu chuẩn	609.771	335.412
Nợ cần chú ý	-	131.000
	609.771	**466.412**

12. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Các khoản đầu tư dài hạn khác	1.006.177	454.206
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(8.586)	(3.774)
	997.591	**450.432**

Biến động số dư dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2023 triệu đồng	*2022 triệu đồng*
Số dư đầu năm	3.774	880
Số dự phòng trích lập trong năm	4.812	2.894
Số dư cuối năm	**8.586**	**3.774**

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

13.1. Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	*Máy móc, thiết bị triệu đồng*	*Phương tiện vận tải triệu đồng*	*Thiết bị, dụng cụ quản lý triệu đồng*	*Tài sản cố định hữu hình khác triệu đồng*	*Tổng cộng triệu đồng*
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	8.280	50.264	21.611	24.407	1.815	106.377
Mua trong năm	-	559	5.753	-	35	6.347
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.261)	(81)	-	(4.342)
Số dư cuối năm	8.280	50.823	23.103	24.326	1.850	108.382
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	2.124	31.485	21.558	19.475	1.309	75.951
Khấu hao trong năm	331	5.264	555	2.050	57	8.257
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.261)	(33)	-	(4.294)
Số dư cuối năm	2.455	36.749	17.852	21.492	1.366	79.914
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	6.156	18.779	53	4.932	506	30.426
Số dư cuối năm	5.825	14.074	5.251	2.834	484	28.468

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng là 45.615 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 48.041 triệu VND)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

13.2. *Tài sản cố định vô hình*

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn triệu đồng	*Phần mềm máy vi tính triệu đồng*	*Tài sản cố định vô hình khác triệu đồng*	*Tổng cộng triệu đồng*
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	18.244	71.045	3.132	92.421
Mua trong năm	-	660	3.296	3.956
Số dư cuối năm	18.244	71.705	6.428	96.377
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	40.305	660	40.965
Hao mòn trong năm	-	7.070	948	8.018
Số dư cuối năm	-	47.375	1.608	48.983
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	18.244	30.740	2.472	51.456
Số dư cuối năm	18.244	24.330	4.820	47.394

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng là 19.924 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 19.518 triệu VND).

14. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Các khoản phải thu *(Thuyết minh 14.1)*	545.571	3.716.004
Các khoản lãi, phí phải thu *(Thuyết minh 14.2)*	1.683.350	971.182
Tài sản Có khác *(Thuyết minh 14.3)*	76.863	139.900
Dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng khác *(Thuyết minh 14.4)*	(190.698)	(187.926)
	2.115.086	**4.639.160**

14.1. Các khoản phải thu

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Các khoản phải thu nội bộ	**245**	**5.913**
Các khoản phải thu bên ngoài	**545.326**	**3.710.091**
Mua sắm tài sản cố định	801	1.250
Các khoản ký quỹ, thế chấp, cầm cố	202.428	2.854.176
Các khoản chờ Ngân sách Nhà nước thanh toán	560	560
Các khoản phải thu khác (*)	341.537	854.105
	545.571	**3.716.004**

(*) Các khoản phải thu khác bao gồm:

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Phải thu từ các khoản mua bán chứng khoán	265.969	767.208
Phải thu từ các hợp đồng mua và bán lại	15.947	15.947
Phải thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	20.324	21.324
Phải thu đối tác trả chậm ủy thác đầu tư	1.406	1.406
Phải thu khác	37.891	48.220
	341.537	**854.105**

14.2. Các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Lãi phải thu từ tiền gửi	23.049	50.648
Lãi phải thu từ cho vay	1.581.219	858.594
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư	21.649	15.451
Lãi phải thu từ công cụ tài chính phái sinh	40.675	13.471
Phí phải thu khác	16.758	33.018
	1.683.350	**971.182**

14. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

14.3. *Tài sản Có khác*

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Công cụ, dụng cụ	25	340
Chi phí chờ phân bổ	76.838	139.560
	76.863	**139.900**

14.4. *Dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng khác*

Chi tiết dự phòng cho các tài sản Có nội bảng khác như sau:

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi		
- *Phải thu từ các hợp đồng mua và bán lại*	*15.947*	*15.947*
- *Phải thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư*	*20.324*	*21.324*
- *Phải thu từ các khoản mua bán chứng khoán*	*138.969*	*140.366*
- *Phải thu khác*	*15.458*	*10.289*
	190.698	**187.926**

Thay đổi dự phòng cho các tài sản Có nội bảng khác trong năm như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 triệu đồng	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 triệu đồng*
Số đầu năm	**187.926**	**184.621**
Trích lập dự phòng trong năm	50.436	3.305
Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong năm	(47.664)	-
Số cuối năm	**190.698**	**187.926**

15. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Tiền gửi của các TCTD khác	**4.600.000**	**8.768.600**
Tiền gửi có kỳ hạn	4.600.000	8.768.600
- *Bằng VND*	*4.600.000*	*8.768.600*
- *Bằng USD*	-	-
Vay các TCTD khác	**6.311.760**	**6.294.289**
Vay các TCTD trong nước, các ngân hàng nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam	6.311.760	6.294.289
- *Bằng VND*	*2.700.000*	*4.571.489*
- *Bằng USD*	*3.611.760*	*1.722.800*
	10.911.760	**15.062.889**

16. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

16.1. Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Tiền gửi không kỳ hạn	**2.172**	**6.342**
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	2.172	6.342
Tiền gửi có kỳ hạn	**2.998.409**	**4.129.882**
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	2.998.409	4.129.882
Tiền gửi ký quỹ	**956**	**108**
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	956	108
	3.001.537	**4.136.332**

16.2. Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Công ty TNHH MTV do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	510.000	1.470.705
Công ty TNHH khác	93.593	495.835
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	500.000	730.000
Công ty cổ phần khác	1.880.988	1.434.664
Tiền gửi của các đối tượng khác	16.956	5.128
	3.001.537	**4.136.332**

17. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	507.577	507.576
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng vàng, ngoại tệ	7.508.823	6.913.757
	8.016.400	**7.421.333**

18. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Chứng chỉ tiền gửi bằng VND		
Mệnh giá	15.696.000	8.429.000
Trái phiếu		
Mệnh giá	1.725.000	1.825.000
	17.421.000	**10.254.000**

Chi tiết kỳ hạn của chứng chỉ tiền gửi phát hành tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Chứng chỉ tiền gửi	**15.696.000**	**8.429.000**
Dưới 12 tháng	3.449.000	1.079.000
Bằng VND	*3.449.000*	*1.079.000*
Từ 12 tháng đến 5 năm	12.247.000	7.350.000
Bằng VND	*12.247.000*	*7.350.000*
Trái phiếu	**1.725.000**	**1.825.000**
Từ 12 tháng đến 5 năm	-	100.000
Bằng VND	-	*100.000*
Trên 5 năm	1.725.000	1.725.000
Bằng VND	*1.725.000*	*1.725.000*
	17.421.000	**10.254.000**

19. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Các khoản lãi và phí phải trả *(Thuyết minh 19.1)*	1.210.461	717.752
Các khoản phải trả và công nợ khác *(Thuyết minh 19.2)*	203.755	257.164
	1.414.216	**974.916**

19.1. Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Lãi phải trả cho tiền gửi	104.537	105.853
Lãi phải trả cho vốn tài trợ, ủy thác đầu tư và cho vay	316.019	246.951
Lãi phải trả cho các giấy tờ có giá	761.775	364.948
Lãi phải trả cho công cụ tài chính phái sinh	28.130	-
	1.210.461	**717.752**

19.2. Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Các khoản phải trả nội bộ	**33.234**	**45.522**
Phải trả cho nhân viên	9.067	21.042
Phải trả về Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24.167	24.480
Các khoản phải trả bên ngoài	**170.521**	**211.642**
Thuế TNDN phải trả *(Thuyết minh số 20)*	70.902	69.559
Thuế và các khoản phải nộp khác *(Thuyết minh số 20)*	1.312	2.463
Cổ tức phải trả	22.773	25.075
Các khoản chờ thanh toán – nghiệp vụ tín dụng	63.209	30.677
Các khoản chờ thanh toán – nghiệp vụ đầu tư	2.903	11.986
Chi phí trích trước	2.956	10.172
Phải trả Nhà cung cấp	5.152	38.219
Phải trả cho các đối tác thu hộ, chi hộ	172	16.380
Các khoản phải trả khác	1.142	7.111
	203.755	**257.164**

20. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu năm triệu đồng	Phát sinh trong năm: Số phải nộp triệu đồng	Phát sinh trong năm: Số đã nộp triệu đồng	Số dư cuối năm triệu đồng
Thuế GTGT	232	376	(590)	18
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	69.559	80.928	(79.585)	70.902
Thuế khác	2.231	36.754	(37.691)	1.294
	72.022	**118.058**	**(117.866)**	**72.214**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

	2023 triệu đồng	2022 triệu đồng
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**409.307**	**455.346**
Các khoản điều chỉnh	**(4.798)**	**(7.553)**
Điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế:	*3.007*	*5.079*
- Chi phí không được khấu trừ	3.007	3.626
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm	-	1.453
Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế:	*(7.805)*	*(12.632)*
- Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia không chịu thuế	(6.255)	(11.117)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện cuối năm trước thực hiện trong năm nay	(1.453)	(1.515)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm	(97)	-
Tổng lợi nhuận chịu thuế	**404.509**	**447.793**
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**80.902**	**89.559**
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước vào năm nay	26	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**80.928**	**89.559**
Thuế TNDN còn phải trả đầu năm	69.559	51.047
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(79.585)	(71.047)
Thuế TNDN còn phải nộp	**70.902**	**69.559**

21. VỐN VÀ CÁC QUỸ

21.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Vốn điều lệ triệu đồng	*Thặng dư vốn cổ phần triệu đồng*	*Quỹ đầu tư phát triển triệu đồng*	*Quỹ dự phòng tài chính triệu đồng*	*Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ triệu đồng*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối triệu đồng*	*Vốn đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ triệu đồng*	*Tổng cộng triệu đồng*
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2022	**3.047.076**	**-**	**30.770**	**249.652**	**124.827**	**529.516**	**2.328**	**3.984.169**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	365.787	-	365.787
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm	463.564	-	-	-	-	(463.564)	-	-
Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	33.057	16.528	(64.461)	-	(14.876)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	**3.510.640**	**-**	**30.770**	**282.709**	**141.355**	**367.278**	**2.328**	**4.335.080**
Tăng vốn từ phát hành quyền mua cổ phiếu cho nhà đầu tư	3.510.640	350.712	-	-	-	-	-	3.861.352
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	21.203	(150)	-	-	-	-	-	21.053
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	328.379	-	328.379
Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	36.579	18.289	(65.695)	-	(10.827)
Sử dụng Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	(779)	-	-	-	-	(779)
Sử dụng Quỹ Dự phòng tài chính	-	-	-	(78.040)	-	-	-	(78.040)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	**7.042.483**	**350.562**	**29.991**	**241.248**	**159.644**	**629.962**	**2.328**	**8.456.218**

21. VỐN VÀ CÁC QUỸ (tiếp theo)

21.2. *Cổ phiếu*

Chi tiết cổ phiếu của Công ty như sau:

	31/12/2023 cổ phiếu	*31/12/2022 cổ phiếu*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	704.248.289	351.064.031
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	704.248.289	351.064.031
- Cổ phiếu phổ thông	704.248.289	351.064.031
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	704.248.289	351.064.031
- Cổ phiếu phổ thông	704.248.289	351.064.031
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

21.3. *Lãi cơ bản trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty như sau:

	2023	*2022 (trình bày lại)*
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	**328.379**	**365.787**
Trích lập các Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(9.720)	(10.827)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (triệu đồng)	**318.659**	**354.960**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sau ảnh hưởng (cổ phiếu)	375.231.498	351.064.031
Lãi trên mỗi cổ phiếu (đồng)		
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	**849**	**1.011**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**849**	**1.011**

(*) Tỷ lệ tạm trích được lấy tương đương theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 17 tháng 03 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

21. VỐN VÀ CÁC QUỸ (tiếp theo)

21.3. *Lãi cơ bản trên cổ phiếu* (tiếp theo)

Trình bày lại

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông năm 2023. Theo đó, số tiền trích vào Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận để lại năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, nên lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày lại như sau:

	Trước điều chỉnh	*Sau điều chỉnh*
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	**365.787**	**365.787**
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi (triệu đồng)	(16.460)	(10.827)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (triệu đồng)	**349.327**	**354.960**
Số cổ phiếu bình quân để tính lãi (cổ phiếu)	351.064.031	351.064.031
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	**995**	**1.011**

21.4. *Chi tiết vốn đầu tư*

	31/12/2023			*31/12/2022*		
	Tổng số triệu đồng	*Vốn CP thường triệu đồng*	*Tỷ lệ %*	*Tổng số triệu đồng*	*Vốn CP thường triệu đồng*	*Tỷ lệ %*
Tổ chức	1.227.679	1.227.679	17%	300.891	300.891	9%
Cá nhân	5.814.804	5.814.804	83%	3.209.749	3.209.749	91%
	7.042.483	**7.042.483**	**100%**	**3.510.640**	**3.510.640**	**100%**

21.5. *Cổ tức*

Việc chia cổ tức sẽ được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

21.6. *Các quỹ*

Theo Nghị định 93/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 7 tháng 8 năm 2017, các tổ chức tín dụng phải trích lập quỹ theo tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	*Mức tối đa*
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% mức vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	-

Việc trích lập các quỹ còn lại do tổ chức tín dụng tự quyết định.

21. VỐN VÀ CÁC QUỸ (tiếp theo)

21.6. Các quỹ (tiếp theo)

Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ trích %	*Số tiền triệu đồng*
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	18.289
Quỹ dự phòng tài chính	10%	36.579
Quỹ khen thưởng	1%	3.658
Quỹ phúc lợi	1%	3.658
Khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành	0,96%	3.511
		65.695

22. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2023 triệu đồng	*2022 triệu đồng*
Thu nhập lãi tiền gửi	371.327	136.768
Thu nhập lãi cho vay	3.553.917	2.378.877
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	64.763	143.131
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	3.572	7.860
Thu khác từ hoạt động tín dụng	40	120
	3.993.619	**2.666.756**

23. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2023 triệu đồng	*2022 triệu đồng*
Trả lãi tiền gửi	866.310	415.291
Trả lãi tiền vay	760.519	480.145
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	1.244.793	575.529
Chi phí hoạt động tín dụng khác	412.972	276.589
	3.284.594	**1.747.554**

24. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2023 triệu đồng	*2022 triệu đồng*
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	**53.319**	**130.443**
Thu từ nghiệp vụ ủy thác, đại lý	240	169
Thu từ nghiệp vụ môi giới bảo hiểm	3.945	35.037
Thu khác từ phí dịch vụ quản lý khoản vay	49.134	95.237
Chi phí hoạt động dịch vụ	**(50.096)**	**(114.354)**
Chi về dịch vụ thanh toán	(2.667)	(4.830)
Chi phí hoa hồng môi giới	(18.018)	(40.424)
Chi về dịch vụ khác	(29.411)	(69.100)
	3.223	**16.089**

25. LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2023 triệu đồng	*2022 triệu đồng*
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**64.681**	**13.386**
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	41.831	6.683
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	22.850	6.703
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	**(151.181)**	**(52.126)**
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(40.311)	(7.573)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(110.870)	(44.553)
	(86.500)	**(38.740)**

26. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2023 triệu đồng	*2022 triệu đồng*
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	382.303	63.791
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(18.548)	(121.513)
Trích lập dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư *(Thuyết minh số 11.2)*	(48.034)	(20.796)
	315.721	**(78.518)**

27. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	2023 triệu đồng	*2022 triệu đồng*
Cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư, góp vốn mua cổ phần	6.255	11.117
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư, góp vốn mua cổ phần	96.000	91.482
	102.255	**102.599**

28. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2023 triệu đồng	2022 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động khác	**50.424**	**294.918**
Thu nhập từ nợ đã xử lý rủi ro	7.144	260.844
Thu nhập từ nghiệp vụ mua bán nợ	43.118	8.739
Thu nhập khác	162	25.335
Chi phí hoạt động khác	**(465)**	**(71.484)**
Chi phí về mua bán nợ	-	(67.983)
Chi phí khác	(465)	(3.501)
Lãi thuần từ hoạt động khác	**49.959**	**223.434**

29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2023 triệu đồng	2022 triệu đồng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	**626**	**663**
Chi phí cho nhân viên	**140.529**	**182.930**
Chi lương và phụ cấp	122.409	161.924
Các khoản chi đóng góp theo lương	12.071	13.186
Chi trợ cấp	148	258
Chi khác cho nhân viên	5.901	7.562
Chi về tài sản	**46.849**	**48.840**
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.275	15.098
Chi khác về tài sản	30.574	33.742
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	**53.752**	**88.606**
Công tác phí	4.525	6.942
Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	1.134	3.829
Chi phí kiểm toán	643	603
Chi phí khác	47.450	77.232
Trích lập dự phòng rủi ro	**55.248**	**6.199**
Trích lập dự phòng rủi ro đầu tư dài hạn *(Thuyết minh số 12)*	4.812	2.894
Trích lập dự phòng rủi ro Tài sản Có khác *(Thuyết minh số 14.4)*	50.436	3.305
	297.004	**327.238**

30. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	2023 triệu đồng	2022 triệu đồng
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng *(Thuyết minh số 10)*	387.372	361.482
	387.372	**361.482**

31. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thuần thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm các khoản trên báo cáo tình hình tài chính sau đây:

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	1.546	2.633
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	1.304.924	1.178.325
Tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác	3.840.788	1.604.465
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá 3 tháng	6.115.620	8.279.388
	11.262.878	**11.064.811**

32. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	2023 triệu đồng	*2022 triệu đồng*
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	**372**	**498**
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Tổng quỹ lương	120.775	157.355
2. Tiền thưởng	4.861	4.741
3. Thu nhập khác	4.006	5.876
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	**129.642**	**167.972**
5. Tiền lương bình quân tháng (đồng/người/tháng)	27,06	26,33
6. Thu nhập bình quân tháng (đồng/người/tháng)	29,04	28,11

33. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ NHẬN THẾ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Bất động sản	54.653.114	60.701.647
Chứng từ có giá	13.596.462	9.632.135
Tài sản khác	104.046.658	75.346.329
	172.296.234	**145.680.111**

34. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG KHÁC

34.1. *Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra*

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Cam kết bảo lãnh khác	33.511	927.524
	33.511	**927.524**

34.2. *Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được*

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Lãi cho vay chưa thu được bằng đồng Việt Nam	169.282	236.348
Lãi chứng khoán chưa thu được	29.722	40.623
Phí phải thu chưa thu được	53.113	7.224
	252.117	**284.195**

34.3. *Nợ khó đòi đã xử lý*

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	955.104	778.698
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	1.295.204	1.167.456
	2.250.308	**1.946.154**

34.4. *Tài sản và chứng từ khác*

	31/12/2023 triệu đồng	*31/12/2022 triệu đồng*
Tài sản khác giữ hộ	4.671.660	-
Tài sản bảo đảm nhận thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm chờ xử lý	14.394	14.394
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	1.351.606	906.523
	6.037.660	**920.917**

35. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	Tổng dư nợ cho vay triệu đồng	*Tổng tiền gửi tại các TCTD triệu đồng*	*Các cam kết tín dụng triệu đồng*	*Công cụ tài chính phái sinh (Tổng giá trị hợp đồng) triệu đồng*	*Kinh doanh và đầu tư chứng khoán triệu đồng*
Trong nước	34.474.508	10.340.212	33.511	39.766.997	1.664.741
	34.474.508	**10.340.212**	**33.511**	**39.766.997**	**1.664.741**

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, Công ty có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

(a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:

- kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Công ty (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
- có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Công ty và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty;
- có quyền đồng kiểm soát Công ty.

(b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);

(c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị hoặc hoặc Ban Điều hành của Công ty;

(d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc

(e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết số dư chủ yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*2023 triệu đồng*	*2022 triệu đồng*
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Thành viên HĐQT của EVF (Ông Lê Mạnh Linh) là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Cổ phiếu của Bên liên quan nắm giữ bởi Công ty	(*)	75.789
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber	Thành viên HĐQT của EVF (Ông Lê Mạnh Linh) là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber	Tiền gửi có kỳ hạn tại EVF	271.240	84.000
		Giấy tờ có giá nắm giữ do EVF phát hành	674.000	179.000
		Phải trả lãi tiền gửi và giấy tờ có giá	18.762	4.165
CTCP Amya Holding	Thành viên HĐQT của EVF (Ông Nguyễn Trung Thành) là Thành viên HĐQT của Công ty CP Amya Holding	Cho vay khách hàng	235.438	-
		Phải thu lãi vay	6.471	-

Chi tiết giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	*2023 triệu đồng*	*2022 triệu đồng*
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber	Thành viên HĐQT của EVF (Ông Lê Mạnh Linh) là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber	Chi phí lãi tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá	39.811	1.557
CTCP Amya Holding	Thành viên HĐQT của EVF (Ông Nguyễn Trung Thành) là Thành viên HĐQT của Công ty CP Amya Holding	Thu nhập lãi	6.471	-

(*) Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà được xem là bên liên quan do Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty là ông Lê Mạnh Linh là Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại công ty này. Từ ngày 31/03/2023, ông Lê Mạnh Linh không còn đảm nhận chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà, từ ngày 25/4/2023, ông Lê Mạnh Linh không còn là Thành viên Hội đồng Quản trị tại Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà.

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tổng thu nhập của Tổng Giám đốc và người quản lý khác, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	2023 triệu đồng	*2022 triệu đồng*
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	3.281	2.988
Thu nhập của Tổng giám đốc và Người quản lý khác	11.792	11.171
Thu nhập và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát	2.066	1.928
	17.139	**16.087**
Trong đó:		
Thu nhập của Hội Đồng Quản Trị	**3.281**	**2.988**
Ông Hoàng Văn Ninh (*)	229	1.080
Bà Cao Thị Thu Hà (*)	138	648
Bà Nguyễn Thúy Trang (*)	89	420
Ông Phạm Trung Kiên (*)	1.223	420
Ông Lê Mạnh Linh	468	420
Ông Nguyễn Trung Thành (*)	378	-
Ông Lê Hoài Nam (*)	378	-
Ông Nguyễn Văn Hải (*)	378	-
Thu nhập của Tổng giám đốc và Người quản lý khác	**11.792**	**11.171**
Ông Nguyễn Hoàng Hải (*)	970	2.346
Ông Mai Danh Hiền (*)	1.925	1.353
Ông Lê Anh Tuấn	1.423	1.481
Ông Hoàng Thế Hưng	1.598	2.016
Ông Đào Lê Huy	1.463	1.535
Ông Lâm Nguyễn Thiện Nhơn (*)	1.236	931
Bà Tôn Thị Hải Yến (*)	1.133	-
Ông Mai Xuân Đông	709	713
Ông Hoàng Nhật Nam (*)	356	-
Ông Tống Nhật Linh	979	796
Thu nhập của Ban Kiểm soát	**1.942**	**1.800**
Ông Nguyễn Quốc Tuấn (*)	166	780
Bà Đỗ Thị Hà (*)	115	540
Ông Nguyễn Xuân Điệp (*)	51	240
Ông Lê Long Giang (*)	806	240
Bà Lê Khánh Ngọc (*)	520	-
Ông Nghiêm Khắc Đạt (*)	284	-

(*) Có thay đổi về bổ nhiệm, miễn nhiệm trong năm trình bày chi tiết tại mục giới thiệu chung.

37. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Công ty và được kiểm soát thông qua các quy trình, quy định nội bộ và hoạt động kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào mức độ rủi ro. Quy trình kiểm soát rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Công ty và mỗi cá nhân trong Công ty có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến công việc của họ. Công ty đối mặt với các loại rủi ro: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Công ty cũng chịu rủi ro hoạt động. Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh chẳng hạn như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Công ty.

37.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động của công ty tài chính do khách hàng hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Để quản lý rủi ro tín dụng Công ty sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Công ty đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau: thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp; hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh; duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

Công ty tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của Công ty có sự tham gia của Hội đồng tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất.

37.2. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh do có những sự thay đổi về lãi suất có ảnh hưởng đến giá trị của các công cụ tài chính. Công ty sẽ có nguy cơ chịu rủi ro lãi suất do sự không tương xứng hay chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản, nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định. Công ty quản lý rủi ro này chủ yếu bằng cách quản lý mức chênh nhạy cảm với lãi suất và quản lý lợi nhuận trong suốt thời hạn hợp đồng.

37. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2. Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời gian thay đổi lãi suất theo kỳ hạn còn lại của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

			Chịu lãi						
	Quá hạn triệu đồng	*Không chịu lãi triệu đồng*	*Dưới 1 tháng triệu đồng*	*Từ 1 - 3 tháng triệu đồng*	*Từ 3 - 6 tháng triệu đồng*	*Từ 6 - 12 tháng triệu đồng*	*Từ 1 - 5 năm triệu đồng*	*Trên 5 năm triệu đồng*	*Tổng cộng triệu đồng*
Tài sản									
Tiền mặt	-	1.546	-	-	-	-	-	-	1.546
Tiền gửi tại NHNN	-	-	1.304.924	-	-	-	-	-	1.304.924
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	9.252.788	702.850	770	-	-	-	9.956.408
Cho vay khách hàng (*)	403.830	11.203	15.297.500	14.241.760	1.547.759	395.944	988.913	666.479	33.553.388
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác			1.934	(12.808)	94.033	33.681	-		116.840
Chứng khoán đầu tư (*)	16.000	786.252	-	-	-	200.000	-	662.489	1.664.741
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	1.006.177	-	-	-	-	-	-	1.006.177
Tài sản cố định	-	75.862	-	-	-	-	-	-	75.862
Tài sản Có khác (*)	323.559	1.982.225	-	-	-	-	-	-	2.305.784
Tổng tài sản	**743.389**	**3.863.265**	**25.857.146**	**14.931.802**	**1.642.562**	**629.625**	**988.913**	**1.328.968**	**49.985.670**
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	4.800.000	1.850.240	3.776.720	484.800	-	-	10.911.760
Tiền gửi của khách hàng	-	3.129	193.335	499.532	951.571	474.400	853.970	25.600	3.001.537
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	129.032	-	589.592	5.308.132	1.989.644	8.016.400
Phát hành giấy tờ có giá	-		938.000	2.958.000	4.156.000	7.363.000	281.000	1.725.000	17.421.000
Các khoản nợ khác	-	940.211	34.953	439.052	-	-	-	-	1.414.216
Tổng nợ phải trả	**-**	**943.340**	**5.966.288**	**5.875.856**	**8.884.291**	**8.911.792**	**6.443.102**	**3.740.244**	**40.764.913**
Mức chênh lệch lãi suất ròng	**743.389**	**2.919.925**	**19.890.858**	**9.055.946**	**(7.241.729)**	**(8.282.167)**	**(5.454.189)**	**(2.411.276)**	**9.220.757**

(*): Không bao gồm dự phòng rủi ro

37. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.3. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là VND. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Công ty lại bằng các ngoại tệ.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo như sau:

	31/12/2023 VNĐ	*31/12/2022 VNĐ*
USD	24.240	23.600
EUR	26.998	25.322
GBP	30.858	28.448
JPY	172	179
AUD	16.566	15.956

37. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.3. Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Phân loại tài sản và công nợ theo ngoại tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	EUR quy đổi triệu đồng	*USD quy đổi triệu đồng*	*Ngoại tệ khác quy đổi triệu đồng*	*Tổng cộng triệu đồng*
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	108	139	-	247
Tiền gửi tại NHNN	-	24	-	24
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	1.270	1.472.205	1.975	1.475.450
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	6.387.240	-	6.387.240
Cho vay khách hàng	-	3.311.413	-	3.311.413
Tài sản Có khác	11	93.799	2.728	96.538
Tổng tài sản	**1.389**	**11.264.820**	**4.703**	**11.270.912**
Nợ phải trả				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	3.611.760	-	3.611.760
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	7.508.823	-	7.508.823
Các khoản nợ khác	-	277.354	-	277.354
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	**-**	**11.397.937**	**-**	**11.397.937**
Trạng thái tiền tệ nội bảng	**1.389**	**(133.117)**	**4.703**	**(127.025)**
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	**-**	**-**	**-**	**-**
Tổng trạng thái	**1.389**	**(133.117)**	**4.703**	**(127.025)**

37. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Công ty phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Công ty. Đồng thời, Công ty có chính sách linh hoạt để quản lý tính thanh khoản của tài sản, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Công ty cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Công ty cũng thực hiện phân tích thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả để quản lý thanh khoản.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Công ty:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán. Do đó, thời gian đến hạn được xếp loại đến một (1) tháng;
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đến hạn được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn;
- Các khoản tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng;
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xếp loại dựa trên thời gian sử dụng hữu ích còn lại và giá trị còn lại ước tính; và
- Thời gian đến hạn của tài sản có khác, các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác và các khoản nợ khác được xác định dựa vào thời hạn đến hạn của các tài sản và công nợ.

37. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.4. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời gian đáo hạn của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Quá hạn		*Trong hạn*					
	Trên 3 tháng triệu đồng	*Đến 3 tháng triệu đồng*	*Đến 1 tháng triệu đồng*	*Từ 1 - 3 tháng triệu đồng*	*Từ 3 - 12 tháng triệu đồng*	*Từ 1 - 5 năm triệu đồng*	*Trên 5 năm triệu đồng*	*Tổng cộng triệu đồng*
Tài sản								
Tiền mặt	-	-	1.546	-	-	-	-	1.546
Tiền gửi tại NHNN	-	-	1.304.924	-	-	-	-	1.304.924
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	9.252.788	702.850	770	-	-	9.956.408
Cho vay khách hàng (*)	336.081	67.749	737.842	1.950.272	15.105.449	12.500.921	2.855.074	33.553.388
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-		1.934	(12.808)	127.714	-	-	116.840
Chứng khoán đầu tư (*)	-	16.000	786.252	-	200.000	-	662.489	1.664.741
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	1.006.177	1.006.177
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	75.862	75.862
Tài sản Có khác (*)	317.981	5.578	1.473.570	308.655	200.000	-	-	2.305.784
Tổng tài sản	**654.062**	**89.327**	**13.558.856**	**2.948.969**	**15.633.933**	**12.500.921**	**4.599.602**	**49.985.670**
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	4.800.000	1.850.240	4.261.520	-	-	10.911.760
Tiền gửi của khách hàng	-	-	196.464	499.532	1.425.971	853.970	25.600	3.001.537
Nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	129.031	589.592	5.308.132	1.989.645	8.016.400
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	938.000	2.958.000	11.519.000	281.000	1.725.000	17.421.000
Các khoản nợ khác	-	-	975.164	439.052	-	-	-	1.414.216
Tổng nợ phải trả	**-**	**-**	**6.909.628**	**5.875.855**	**17.796.083**	**6.443.102**	**3.740.245**	**40.764.913**
Mức chênh thanh khoản ròng	**654.062**	**89.327**	**6.649.228**	**(2.926.886)**	**(2.162.150)**	**6.057.819**	**859.357**	**9.220.757**

(*): Không bao gồm dự phòng rủi ro

38. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Giá trị ghi sổ						
	Kinh doanh triệu đồng	*Giữ đến ngày đáo hạn triệu đồng*	*Sẵn sàng để bán triệu đồng*	*Cho vay và phải thu triệu đồng*	*Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ triệu đồng*	*Tổng cộng giá trị ghi sổ triệu đồng*	*Giá trị hợp lý triệu đồng*
Tài sản							
Tiền mặt	1.546	-	-	-	-	1.546	1.546
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	1.304.924	-	1.304.924	1.304.924
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	-	9.956.408	-	9.956.408	(**)
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	-	-	-	-	116.840	116.840	(**)
Cho vay khách hàng (*)	-	-	-	33.553.388	-	33.553.388	(**)
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	1.664.741	-	-	1.664.741	(**)
Đầu tư dài hạn khác (*)	-	-	1.006.177	-	-	1.006.177	(**)
Các khoản phải thu (*)	-	-	-	543.965	-	543.965	(**)
Các khoản lãi, phí phải thu (*)	-	-	-	1.683.350	-	1.683.350	(**)
Tổng tài sản	**1.546**	**-**	**2.670.918**	**47.042.035**	**116.840**	**49.831.339**	
Nợ phải trả							
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	10.911.760	10.911.760	(**)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	3.001.537	3.001.537	(**)
Nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	8.016.400	8.016.400	(**)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	17.421.000	17.421.000	(**)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	1.308.769	1.308.769	(**)
Tổng nợ phải trả	**-**	**-**	**-**	**-**	**40.659.466**	**40.659.466**	

(*): Không bao gồm dự phòng rủi ro.

(**): Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không thể xác định được do các Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

39. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Nguyễn Thị Trang	Ông Tống Nhật Linh Kế toán trưởng	Ông Mai Danh Hiền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 07 tháng 02 năm 2024